

Số/No: 135 /NCTS-CBTT

Hà Nội, ngày 28 tháng 01 năm 2026
Ha Noi, 28 Jan 2026

Kính gửi/ To:

- Ủy ban chứng khoán Nhà nước/ *The State Securities Commission of Viet Nam*
- Sở Giao dịch chứng khoán Việt Nam/ *Viet Nam Exchange*
- Sở Giao dịch Chứng khoán TP. HCM/ *Ho Chi Minh Stock Exchange*

1. Tên tổ chức/ *Name of organisation*: Công ty cổ phần dịch vụ hàng hóa Nội Bài/ *Noi Bai Cargo Terminal Services Joint Stock Company*.

- Mã chứng khoán/ *Securities Code*: NCT

- Địa chỉ trụ sở chính/ *Address of head office*: Sân bay quốc tế Nội Bài, xã Nội Bài, Tp. Hà Nội/ *Noi Bai International Airport, Noi Bai commune, Ha Noi City*.

- Điện thoại/ *Telephone*: (84-24) 35840905 Fax: (84-24) 35840906

- E-mail: hieuhx.acc@noibaicargo.com.vn

2. Nội dung thông tin công bố/ *Content of information disclosure*: Báo cáo tình hình quản trị công ty năm 2025/ *Corporate Governance report 2025*.

3. Thông tin này được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày .../01/2026 tại đường dẫn/ *This information is disclosed on the company's website on Jan 2026 at the link: www.noibaicargo.com.vn*.

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung thông tin đã công bố/ *We hereby commit that the information disclosed above is true and we are fully responsible before the law for the content of the disclosed information*.

Người ủy quyền công bố thông tin
Authorized person to disclose information

Tài liệu đính kèm/Attached documents:

- Báo cáo tình hình quản trị công ty năm 2025/ *Corporate Governance report 2025*.



Số/No: 01 /BC-HĐQT/NCTS

Hà Nội, ngày 28 tháng 01 năm 2026
Ha Noi, 28 January 2026

BÁO CÁO TÌNH HÌNH QUẢN TRỊ CÔNG TY NĂM 2025
REPORT ON CORPORATE GOVERNANCE OF 2025

Kính gửi/To:

- Ủy ban Chứng khoán Nhà nước/ *The State Securities Commission of Viet Nam*
- Sở Giao dịch chứng khoán Việt Nam/ *Viet Nam Exchange*
- Sở giao dịch Chứng khoán Tp. Hồ Chí Minh/ *Ho Chi Minh Stock Exchange*

- | | |
|---|--|
| - Tên công ty
<i>Company name</i> | : Công ty cổ phần dịch vụ hàng hóa Nội Bài.
<i>Noi Bai Cargo Terminal Services Joint Stock Company.</i> |
| - Địa chỉ trụ sở chính
<i>Address of Head office</i> | : Sân bay Quốc tế Nội Bài, xã Nội Bài, thành phố Hà Nội, Việt Nam.
<i>Noi Bai International Airport, Noi Bai Commune, Ha Noi City, Viet Nam.</i> |
| - Điện thoại/ <i>Telephone</i> | : (024)3.5840905 Fax: (024)3.5840906 |
| - Vốn điều lệ/ <i>Charter capital</i> | : 261.669.400.000 đồng/VND. |
| - Mã chứng khoán
<i>Securities Code</i> | : NCT |
| - Mô hình quản trị công ty
<i>Company Organizational Model</i> | : Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc.
<i>General Meeting of Shareholders, Board of Management, Board of Supervisors, General Director.</i> |
| - Thực hiện chức năng kiểm toán nội bộ/ <i>Performance of internal audit functions:</i> | Đã thực hiện.
<i>Performed.</i> |

I. Hoạt động của Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ)/ Activities of the General Meeting of Shareholders

Số nghị quyết/ Resolution No.	Ngày/ Date	Nội dung/ Content
0125/NQ- ĐHĐCĐ	20/6/ 2025	- Thông qua Báo cáo hoạt động năm 2024 của Hội đồng quản trị/ <i>Approving the Performance report of Board of Management in 2024.</i> - Thông qua Báo cáo hoạt động năm 2024 của Ban Kiểm soát/ <i>Approving the Performance report of Board of Supervisors in 2024.</i> - Thông qua Báo cáo tài chính đã kiểm toán và phương án phân phối lợi nhuận năm 2024/ <i>Approving the audited financial statements and profit distribution plan for 2024.</i> - Thông qua Kế hoạch sản xuất kinh doanh (SXKD) năm 2025 và định hướng phát triển giai đoạn 2025-2030/ <i>Approving the 2025 Business Production Plan and development orientation for the period 2025-2030.</i> - Thông qua mức tiền lương, thù lao Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát năm 2025/ <i>Approving the salary and remuneration levels for the Board of Management and the Board of Supervisors in 2025.</i> - Thông qua phương án lựa chọn công ty kiểm toán độc lập kiểm toán báo cáo tài chính của công ty giai đoạn 2025-2026/ <i>Approving the plan to select an independent auditing company to audit the company's financial statements for the period 2025-2026.</i> - Thông qua kết quả bầu thành viên HĐQT và BKS nhiệm kỳ 2025-2030/ <i>Approving the election results of members of the Board of Management and Board of Supervisory for the 2025-2030 term.</i>

II. Hoạt động của Hội đồng quản trị (HĐQT)/ Board of Management

1. Thông tin về thành viên HĐQT/ Information about the members of the Board of Management:

Stt No.	Thành viên HĐQT <i>Board of Management's members</i>	Chức vụ <i>Position</i>	Ngày bắt đầu/ không còn là thành viên HĐQT <i>Date of appointment / Date of dismissal of member of the Board of Management</i>	
			Ngày bổ nhiệm <i>Date of appointment</i>	Ngày miễn nhiệm <i>Date of dismissal</i>
1	Hồ Quang Tuấn	Chủ tịch <i>Chairman</i>	25/6/2020	-
2	Nguyễn Giang Tiến	Thành viên <i>Member</i>	11/3/2005	-
3	Nguyễn Thanh Dương	Thành viên <i>Member</i>	26/4/2017	-
4	Nguyễn Duy Việt	Thành viên <i>Member</i>	28/6/2023	-
5	Đặng Ngọc Trường	Thành viên <i>Member</i>	28/6/2023	20/6/2025
6	Vũ Thành Đạt	Thành viên <i>Member</i>	20/6/2025	-

2. Các cuộc họp của HĐQT/ *Board of Management Meetings:*

Stt No.	Thành viên HĐQT <i>Board of Management's member</i>	Số buổi tham dự họp/ <i>Number of attended meetings</i>	Tỷ lệ tham dự họp <i>Attendance rate</i>	Lý do không tham dự họp/ <i>Reasons of absence</i>
1	Hồ Quang Tuấn	6/6	100%	-
2	Nguyễn Duy Việt	6/6	100%	-
3	Nguyễn Giang Tiến	6/6	100%	-
4	Nguyễn Thanh Dương	6/6	100%	-
5	Đặng Ngọc Trường	2/2	100%	-
6	Vũ Thành Đạt	4/4	100%	-

3. Hoạt động giám sát của HĐQT đối với Ban Giám đốc điều hành (BGĐ)/ *Supervisory activities of the Board of Management for Board of Directors:*

HĐQT thường xuyên thực hiện các hoạt động giám sát đối với BGĐ, việc giám sát của HĐQT được thực hiện thông qua báo cáo định kỳ của BGĐ gửi HĐQT. Trong năm 2025, HĐQT đã tổ chức 6 phiên họp, 19 lần lấy ý kiến bằng văn bản và ban hành các nghị quyết, quyết định liên quan để chỉ đạo, hỗ trợ thực hiện và giám sát các hoạt động SXKD của công ty. HĐQT luôn bám sát tình hình thực tế, đề ra các quyết sách

16
3N
3F
4U
3J
PT

7/5

có liên quan đến hoạt động SXKD và tổ chức hoạt động của công ty, đồng thời tạo mọi điều kiện thuận lợi để BGĐ chủ động thực hiện hoàn thành nhiệm vụ.

The Board of Management regularly conducts supervisory activities for the Board of Directors. The supervision of Board of Management is carried out through the periodic reports of Board of Directors to Board of Management. In 2025, Board of Management held 6 meetings, collected opinions in written form 19 times and issued relevant resolutions and decisions to direct, support the implementation and supervision of the company's production and business activities. Board of Management always closely follows the actual situation, sets out policies related to the production and business activities as well as organization of the company's activities, while creating suitable conditions for the Board of Directors to proactively complete its tasks.

4. Hoạt động của các tiểu ban thuộc HĐQT/ Activities of the Board of Directors' subcommittees:

Trong năm 2025, Tiểu ban Kiểm toán nội bộ đã thực hiện công việc theo đúng chức trách nhiệm vụ được giao và kế hoạch kiểm toán nội bộ đã được thông qua. BGĐ và cán bộ nhân viên tham gia công tác kiểm toán nội bộ luôn tạo điều kiện và phối hợp tốt trong việc cung cấp đầy đủ hồ sơ, tài liệu cũng như giải trình, báo cáo... phục vụ chương trình kiểm toán.

In 2025, the Internal Audit Subcommittee performed its work in accordance with its assigned duties and responsibilities and the approved internal audit plan. The Board of Directors and employees that participated in the internal audit, always facilitated and coordinated well in providing necessary records, documents as well as explanations, reports... for the audit.

5. Các nghị quyết, quyết định của HĐQT/ Resolutions, decisions of the Board of Management:

5.1 Các nghị quyết của HĐQT/ Resolutions of the Board of Management:

Stt No.	Số nghị quyết/ Resolution Number	Ngày/ Date	Nội dung/ Content	Tỷ lệ thông qua /Passage rate
1	01/NQ-HĐQT/ NCTS	17/01/ 2025	Phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu qua mạng gói thầu mua xe ô tô phục vụ sản xuất năm 2024/ <i>Approving the results of online contractor selection for the 2024 car purchase package.</i>	100%
2	02/NQ-HĐQT/ NCTS	06/02/ 2025	Phê duyệt dự án đầu tư xe tải chở ULD năm 2024/ <i>Approving the investment project for ULD trucks in 2024.</i>	100%
3	03/NQ-	05/03/	Phê duyệt tài sản thanh lý và phương án thanh lý	100%

Stt No.	Số nghị quyết/ Resolution Number	Ngày/ Date	Nội dung/ Content	Tỷ lệ thông qua /Passage rate
	HĐQT/NC TS	2025	tài sản/ Approving the liquidated assets and liquidation plan.	
4	04/NQ- HĐQT/ NCTS	14/3/ 2025	Gia hạn thời gian họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2025/ Extensing the time of the Annual General Meeting of Shareholders in 2025.	100%
5	05/NQ- HĐQT/ NCTS	14/4/ 2025	Phê duyệt dự án đầu tư xe đầu kéo năm 2024/ Approving the tractor investment project in 2024.	100%
6	06/NQ- HĐQT/ NCTS	18/4/ 2025	Phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu qua mạng gói thầu mua xe tải chở ULD năm 2024/ Approving the results of online contractor selection for the 2024 ULD truck purchase package.	100%
7	07/NQ- HĐQT/ NCTS	18/4/ 2025	Thông qua kết quả kiểm toán nội bộ năm 2024 và kế hoạch hoạt động năm 2025/ Approving the results of internal audit in 2024 and operational plan in 2025.	100%
8	08/NQ- HĐQT/ NCTS	28/4/ 2025	Thông qua kế hoạch và nội dung họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2025/ Approving of the plan and content of the 2025 Annual General Meeting of Shareholders.	100%
9	09/NQ- HĐQT/ NCTS	19/5/ 2025	Các nội dung tham gia ĐHĐCĐ thường niên ALS năm 2025/ Contents of participation in the ALS Annual General Meeting of Shareholders in 2025.	100%
10	10/NQ- HĐQT/ NCTS	30/5/ 2025	Triệu tập ĐHĐCĐ thường niên năm 2025/ Convening the 2025 Annual General Meeting of Shareholders.	100%
11	11/NQ- HĐQT/ NCTS	30/5/ 2025	Các nội dung trình ĐHĐCĐ thường niên năm 2025/ Presented content of the 2025 Annual General Meeting of Shareholders.	100%
12	12/NQ- HĐQT/ NCTS	18/6/ 2025	Bổ sung hệ thống PCCC và mở rộng mái che sân khai thác kho hàng Nhập quốc tế NCT3/ Adding fire protection system and expanding the roof of the warehouse yard for international import NCT3.	100%
13	13/NQ-	20/6/	Thông qua danh sách đề cử bổ sung ứng viên	100%

// C.1
 A
 M.1

TĐ

Stt No.	Số nghị quyết/ Resolution Number	Ngày/ Date	Nội dung/ Content	Tỷ lệ thông qua /Passage rate
	HĐQT/ NCTS	2025	tham gia bầu thành viên HĐQT/BKS công ty nhiệm kỳ 2025-2030/ <i>Approving the list of additional nominees to participate in the election of members of the Board of Managements /Board of Supervisors of the company for the 2025-2030 term.</i>	
14	14/NQ-HĐQT/ NCTS	20/6/ 2025	Công tác nhân sự Hội đồng quản trị Công ty/ <i>Human resources work of the Company's Board of Directors.</i>	100%
15	15A/NQ-HĐQT/ NCTS	20/6/ 2025	Triển khai thực hiện Nghị quyết ĐHDCĐ thường niên năm 2025/ <i>Implementing the Resolution of the 2025 Annual General Meeting of Shareholders.</i>	100%
16	15/NQ-HĐQT/ NCTS	01/7/ 2025	Ban hành Quy định về chế độ chi tiêu các khoản mục chi phí của Công ty cổ phần dịch vụ hàng hóa Nội Bài/ <i>Issuing Regulations on the expenditure regime for expense items of Noi Bai Cargo Services Joint Stock Company.</i>	100%
17	16/NQ-HĐQT/ NCTS	11/7/ 2025	Hủy tài liệu kế toán hết thời hạn lưu trữ/ <i>Destroy accounting documents that have expired their retention period.</i>	100%
18	17/NQ-HĐQT/ NCTS	21/7/ 2025	Phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu qua mạng gói thầu mua xe đầu kéo năm 2024 thuộc dự án đầu tư xe đầu kéo năm 2024/ <i>Approving the results of the online contractor selection for the 2024 tractor truck procurement package under the 2024 tractor truck investment project.</i>	100%
19	18/NQ-HĐQT/ NCTS	22/7/ 2025	Phê duyệt quyết toán vốn đầu tư dự án hoàn thành dự án đầu tư thiết bị giám sát điều hành camera và đầu tư xe ô tô phục vụ sản xuất năm 2024/ <i>Approving the final settlement of investment capital for the completed project of investing in camera surveillance and control equipment and investing in vehicles for production in 2024.</i>	100%
20	19/NQ-HĐQT/ NCTS	22/7/ 2025	Phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu lựa chọn công ty kiểm toán độc lập kiểm toán Báo cáo tài chính giai đoạn 2025-2026/ <i>Approving the</i>	100%

Stt No.	Số nghị quyết/ Resolution Number	Ngày/ Date	Nội dung/ Content	Tỷ lệ thông qua /Passage rate
			<i>results of the contractor selection for the tender package to select an independent auditing firm to audit the financial statements for the period 2025-2026.</i>	
21	20/NQ-HĐQT/NCTS	18/8/2025	Bổ nhiệm lại nhân sự Phó Tổng giám đốc Công ty/ <i>Reappointment of the Deputy General Director of the Company.</i>	100%
22	21/NQ-HĐQT/NCTS	18/8/2025	Bổ nhiệm và bổ nhiệm lại đối với cán bộ Công ty/ <i>Appointment and reappointment of company personnel.</i>	100%
23	22/NQ-HĐQT/NCTS	21/8/2025	Điều chỉnh, bổ sung một số nội dung liên quan đến hạng mục “ bổ sung hệ thống PCCC và mở rộng mái che sân khai thác kho hàng Nhập quốc tế (NCT3)”/ <i>Adjusting and supplementing some content related to the item "Adding fire protection system and expanding the roof of the International Import Warehouse (NCT3) yard".</i>	100%
24	23/NQ-HĐQT/NCTS	28/10/2025	Ban hành Quy chế quản lý nợ của Công ty cổ phần dịch vụ hàng hóa Nội Bài/ <i>Issuing the Regulations on Debt Management of Noi Bai Cargo Services Joint Stock Company.</i>	100%
25	24/NQ-HĐQT/NCTS	03/11/2025	Chi trả cổ tức năm 2024/ <i>Dividend payment for 2024.</i>	100%
26	25/NQ-HĐQT/NCTS	12/11/2025	Phê duyệt dự án đầu tư Truckdock 20FT năm 2025/ <i>Approving the 20FT Truckdock investment project in 2025.</i>	100%
27	26/NQ-HĐQT/NCTS	18/11/2025	Thông qua Kế hoạch SXKD điều chỉnh năm 2025/ <i>Approving the revised Business Production Plan for 2025.</i>	100%
28	27/NQ-HĐQT/NCTS	26/11/2025	Thông qua việc thuê xe xúc nâng điện 2,5 tấn phục vụ sản xuất/ <i>Approving the rental of a 2.5-ton electric forklift for production purposes.</i>	100%
29	28/NQ-HĐQT/NCTS	26/11/2025	Phê duyệt dự án đầu tư xe xúc nâng điện 2,5 tấn năm 2025/ <i>Approving the investment project for a 2.5-ton electric forklift in 2025.</i>	100%

Stt No.	Số nghị quyết/ Resolution Number	Ngày/ Date	Nội dung/ Content	Tỷ lệ thông qua /Passage rate
30	29/NQ- HĐQT/ NCTS	19/12/ 2025	Phê duyệt việc điều chỉnh thời gian thực hiện dự án đầu tư và thời gian thực hiện gói thầu mua xe tải chở ULD năm 2024 thuộc dự án đầu tư mua xe tải chở ULD năm 2024/ <i>Approving the adjustment of the investment project implementation time and the implementation time of the ULD transport truck procurement package in 2024 under the investment project for purchasing ULD transport trucks in 2024.</i>	100%
31	30/NQ- HĐQT/ NCTS	19/12/ 2025	Phê duyệt thuê bổ sung mặt bằng khai thác liên kề kho hàng Nhập quốc tế (NCT3) và vị trí lắp đặt biển hiệu tên công ty tại tòa nhà trụ sở/ <i>Approving the lease of additional space adjacent to the International Import Warehouse (NCT3) and for the installation of the company's signage at the headquarters building.</i>	100%
32	31/NQ- HĐQT/ NCTS	19/12/ 2025	Thông qua tình hình thực hiện SXKD năm 2025 và định hướng kế hoạch xây dựng SXKD năm 2026/ <i>Approving the business performance in 2025 and the business plan orientation for 2026.</i>	100%

5.2 Các quyết định của HĐQT/ Decisions of the Board of Management:

Stt No	Số Quyết định/ Decision Number	Ngày/ Date	Nội dung/ Content	Tỷ lệ thông qua /Passage rate
1	01/QĐ- HĐQT/ NCTS	17/01/ 2025	Phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu mua xe ô tô phục vụ sản xuất năm 2024 thuộc kế hoạch lựa chọn nhà thầu năm 2024 thuộc dự án đầu tư xe ô tô phục vụ sản xuất năm 2024/ <i>Approving the results of contractor selection for the 2024 car purchase package under the 2024 contractor selection plan under the 2024 car investment project for production.</i>	100%
2	02/QĐ- HĐQT/ NCTS	06/02/ 2025	Phê duyệt dự án đầu tư xe tải chở ULD năm 2024/ <i>Approving the investment project for ULD trucks in 2024.</i>	100%

Stt No	Số Quyết định/ Decision Number	Ngày/ Date	Nội dung/ Content	Tỷ lệ thông qua /Passage rate
3	03/QĐ- HĐQT/ NCTS	05/03/ 2025	Phê duyệt tài sản thanh lý và phương án thanh lý tài sản/ <i>Approving the liquidated assets and liquidation plan.</i>	100%
4	04/QĐ- HĐQT/ NCTS	06/03/ 2025	Cử cán bộ tham gia đoàn công tác phục vụ chuyến bay thuê chuyên đặc biệt/ <i>Sending staffs to participate in the working group to serve the special charter flight.</i>	100%
5	05/QĐ- HĐQT/ NCTS	14/04/ 2025	Phê duyệt dự án đầu tư xe đầu kéo năm 2024/ <i>Approving the tractor investment project in 2024.</i>	100%
6	06/QĐ- HĐQT/ NCTS	18/4/ 2025	Phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu qua mạng gói thầu mua xe tải chở ULD năm 2024 thuộc kế hoạch lựa chọn nhà thầu dự án đầu tư xe tải chở ULD năm 2024 thuộc dự án đầu tư xe tải chở ULD năm 2024/ <i>Approving the results of the online contractor selection for the 2024 ULD truck purchase package under the contractor selection plan for the 2024 ULD truck investment project under the 2024 ULD truck investment project.</i>	100%
7	07/QĐ- HĐQT/ NCTS	25/4/ 2025	Cử cán bộ đi công tác nước ngoài/ <i>Sending staffs on overseas business trips.</i>	100%
8	08/QĐ- HĐQT/ NCTS	16/5/ 2025	Cử cán bộ đi công tác nước ngoài/ <i>Sending staffs on overseas business trips.</i>	100%
9	09/QĐ- HĐQT/ NCTS	18/6/ 2025	Bổ sung hệ thống PCCC và mở rộng mái che sân khai thác kho hàng Nhập quốc tế NCT3/ <i>Adding fire protection system and expanding the roof of the warehouse yard for international import NCT3.</i>	100%
10	10/QĐ- HĐQT/ NCTS	20/6/ 2025	Cử cán bộ đi công tác nước ngoài/ <i>Sending staffs on overseas business trips.</i>	100%
11	11/QĐ- HĐQT/ NCTS	20/6/ 2025	Ban hành kế hoạch SXKD năm 2025/ <i>Issuing the 2025 production and business plan.</i>	100%

Stt No	Số Quyết định/ Decision Number	Ngày/ Date	Nội dung/ Content	Tỷ lệ thông qua /Passage rate
12	12/QĐ- HĐQT/ NCTS	21/7/ 2025	Phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu qua mạng gói thầu mua xe đầu kéo năm 2024 thuộc dự án đầu tư xe đầu kéo năm 2024/ <i>Approving the results of the online contractor selection for the 2024 tractor truck procurement package under the 2024 tractor truck investment project.</i>	100%
13	13/QĐ- HĐQT/ NCTS	22/7/ 2025	Phê duyệt quyết toán vốn đầu tư dự án hoàn thành dự án đầu tư xe ô tô phục vụ sản xuất năm 2024/ <i>Approving the final settlement of investment capital for the completed project of investing in automobiles for production in 2024.</i>	100%
14	14/QĐ- HĐQT/ NCTS	22/7/ 2025	Phê duyệt quyết toán vốn đầu tư dự án hoàn thành dự án đầu tư thiết bị giám sát điều hành camera / <i>Approving the final settlement of investment capital for the completed project of installing camera surveillance and control equipment.</i>	100%
15	15/QĐ- HĐQT/ NCTS	22/7/ 2025	Phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu lựa chọn công ty kiểm toán độc lập kiểm toán báo cáo tài chính giai đoạn 2025 – 2026/ <i>Approving the results of the contractor selection for the tender package to select an independent auditing firm to audit the financial statements for the period 2025 - 2026.</i>	100%
16	16/QĐ- HĐQT/ NCTS	18/8/ 2025	Bổ nhiệm lại nhân sự PTGD Công ty/ <i>Reappointment of the Deputy General Director of the Company.</i>	100%
17	17/QĐ- HĐQT/ NCTS	18/8/ 2025	Bổ nhiệm cán bộ/ <i>Appointment of official.</i>	100%
18	18/QĐ- HĐQT/ NCTS	18/8/ 2025	Bổ nhiệm cán bộ/ <i>Appointment of official.</i>	100%
19	19/QĐ- HĐQT/ NCTS	18/8/ 2025	Bổ nhiệm cán bộ/ <i>Appointment of official.</i>	100%

Stt No	Số Quyết định/ Decision Number	Ngày/ Date	Nội dung/ Content	Tỷ lệ thông qua /Passage rate
20	20/QĐ- HĐQT/ NCTS	18/8/ 2025	Bổ nhiệm cán bộ/ <i>Appointment of official.</i>	100%
21	21/QĐ- HĐQT/ NCTS	18/8/ 2025	Bổ nhiệm cán bộ/ <i>Appointment of official.</i>	100%
22	22/QĐ- HĐQT/ NCTS	18/8/ 2025	Cử cán bộ đi công tác nước ngoài/ <i>Sending staffs on overseas business trips.</i>	100%
23	23/QĐ- HĐQT/ NCTS	21/8/ 2025	Phê duyệt việc điều chỉnh, bổ sung một số nội dung liên quan đến hạng mục “ bổ sung hệ thống PCCC và mở rộng mái che sân khai thác kho hàng Nhập quốc tế (NCT3)”/ <i>Approving the adjustment and supplementation of certain contents related to the item "Addition of fire protection system and expansion of the roof of the International Import Warehouse (NCT3) yard".</i>	100%
24	24/QĐ- HĐQT/ NCTS	03/10/ 2025	Cử cán bộ đi công tác nước ngoài/ <i>Sending staffs on overseas business trips.</i>	100%
25	25/QĐ- HĐQT/ NCTS	16/10/ 2025	Cử cán bộ đi công tác nước ngoài/ <i>Sending staffs on overseas business trips.</i>	100%
26	26/QĐ- HĐQT/ NCTS	28/10/ 2025	Ban hành Quy chế quản lý nợ của Công ty cổ phần dịch vụ hàng hóa Nội Bài/ <i>Issuing the Regulations on Debt Management of Noi Bai Cargo Services Joint Stock Company.</i>	100%
27	27/QĐ- HĐQT/ NCTS	12/11/ 2025	Phê duyệt dự án đầu tư Truckdock 20FT năm 2025/ <i>Approving of the 20FT Truckdock investment project in 2025.</i>	100%
28	28/QĐ- HĐQT/ NCTS	18/11/ 2025	Ban hành Kế hoạch SXKD điều chỉnh năm 2025/ <i>Issuing the revised business production plan for 2025.</i>	100%
29	29/QĐ- HĐQT/ NCTS	26/11/ 2025	Phê duyệt dự án đầu tư xe xúc nâng điện 2,5 tấn năm 2025/ <i>Approving of the investment project for a 2.5-ton electric forklift in 2025.</i>	100%

Stt No	Số Quyết định/ Decision Number	Ngày/ Date	Nội dung/ Content	Tỷ lệ thông qua /Passage rate
30	30/QĐ- HĐQT/ NCTS	26/11/ 2025	Cử cán bộ đi công tác nước ngoài/ <i>Sending staffs on overseas business trips.</i>	100%
31	31/QĐ- HĐQT/ NCTS	19/12/ 2025	Phê duyệt việc điều chỉnh thời gian thực hiện dự án đầu tư và thời gian thực hiện gói thầu mua xe tải chở ULD năm 2024 thuộc dự án đầu tư mua xe tải chở ULD năm 2024/ <i>Approving the adjustment of the investment project implementation time and the implementation time of the ULD transport truck procurement package in 2024 under the investment project for purchasing ULD transport trucks in 2024.</i>	100%

III. Ban Kiểm soát (BKS)/ *Board of Supervisors*

1. Thông tin về thành viên Ban Kiểm soát/ *Information about members of Board of Supervisors:*

Stt No.	Thành viên BKS/ <i>Members of Board of Supervisors</i>	Chức vụ <i>Position</i>	Ngày bắt đầu/không còn là thành viên BKS <i>The date becoming/ ceasing to be the member of the Board of Supervisors</i>		Trình độ chuyên môn/ <i>Qualification</i>
			Ngày bắt đầu/ <i>The date becoming</i>	Ngày miễn nhiệm/ <i>The date ceasing</i>	
1	Trần Mai Hạnh	Trưởng ban/ <i>Head of Board</i>	20/6/2025	-	Cử nhân, ngành kế toán/ <i>Bachelor in Accounting</i>
2	Đinh Hồng Sơn	Trưởng ban/ <i>Head of Board</i>	18/4/2019	20/6/2025	Cử nhân kinh tế, ngành Tài chính - Tín dụng/ <i>Bachelor of Economics, Finance - Credit</i>
3	Vũ Xuân Mạnh	Thành viên/ <i>Member</i>	25/6/2020	-	Thạc sỹ tổ chức và quản lý vận tải/ <i>Master of Transport Organization and Management</i>
4	Nguyễn Văn Tân	Thành viên/ <i>Member</i>	28/6/2023	-	Thạc sỹ quản trị kinh doanh/ <i>Master of Business Administration</i>

2. Các cuộc họp của Ban Kiểm soát/ Meetings of Board of Supervisors:

Stt. No.	Thành viên BKS/ <i>Members of Board of Supervisors</i>	Số buổi tham dự họp BKS <i>Number of attended meetings</i>	Tỷ lệ tham dự họp <i>Attendance rate</i>	Tỷ lệ biểu quyết <i>Voting rate</i>	Lý do không tham dự họp <i>Reasons for absence</i>
1	Trần Mai Hạnh	3/3	100%	100%	-
2	Đinh Hồng Sơn	7/7	100%	100%	-
3	Vũ Xuân Mạnh	10/10	100%	100%	-
4	Nguyễn Văn Tân	10/10	100%	100%	-

3. Hoạt động giám sát của BKS đối với HĐQT, BGĐ điều hành và cổ đông/ *Supervisory activities of the Board of Supervisors for Board of Management, Board of Directors and Shareholders:*

Trong năm 2025, BKS đã tổ chức 10 buổi họp/làm việc tập trung để thực hiện chức trách và nhiệm vụ của BKS theo quy định tại Điều lệ Công ty và Quy chế nội bộ về quản trị công ty. Cụ thể: Tổng kết hoạt động 2024 và xây dựng kế hoạch hoạt động năm 2025, thẩm định BCTC đã kiểm toán năm 2024; giám sát tình hình thực hiện kế hoạch SXKD, kế hoạch đầu tư năm 2024 chuyển tiếp; triển khai phương án lựa chọn công ty kiểm toán độc lập giai đoạn 2025-2026; kiểm tra, giám sát việc chấp hành các quy định của Nhà nước và quy định nội bộ của Công ty, việc thực hiện nghị quyết của ĐHĐCĐ và các nghị quyết, quyết định của HĐQT Công ty, tình hình thực hiện kiến nghị của các cơ quan thanh tra, kiểm tra và của BKS; phối hợp với Công ty củng cố, hoàn thiện hệ thống kiểm soát nội bộ; thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu và thẩm tra quyết toán dự án hoàn thành các dự án thuộc thẩm quyền của HĐQT; thực hiện công tác kiểm soát tài chính 6 tháng đầu năm 2025; thực hiện kiểm tra chuyên đề theo kế hoạch.

In 2025, the Board of Supervisors held 10 meetings/workshops to perform the duties and responsibilities of the Board of Supervisors according to Company Charter and the Internal Regulations of Corporate Governance. Specifically: Summarizing the activities of 2024 and plan the activities for 2025, reviewing the audited financial statements of 2024; supervising the implementation of the production and business plan and transitional investment plan for 2024; select an independent audit firm to audit the company's financial statements for 2025-2026; coordinate with the company to strengthen and improve the internal control system; appraise the results of contractor selection and audit the settlement of investment projects to complete projects under the authority of the company's Board of Management; Conduct financial control activities for the first six months of 2025; carry out thematic inspections as planned.

4. Sự phối hợp hoạt động giữa BKS đối với hoạt động của HĐQT, BGĐ điều hành và các cán bộ quản lý khác/ *The coordination among the Board of Supervisors, Audit Committee, the Board of Management, Board of Directors and other managers:*

Trong năm 2025, công tác phối hợp hoạt động giữa BKS đối với HĐQT, BGĐ và các cán bộ quản lý khác trong công ty được duy trì và thực hiện tốt. BKS đã thực hiện theo đúng chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được quy định tại Điều lệ công ty và Quy chế nội bộ về quản trị công ty; luôn phối hợp chặt chẽ với HĐQT và BGĐ trong việc thực thi nhiệm vụ. BGĐ và các cán bộ quản lý khác luôn tạo điều kiện và phối hợp tốt với BKS trên mọi hoạt động. Thành viên HĐQT, BGĐ và các cán bộ quản lý cung cấp đầy đủ thông tin và tài liệu theo yêu cầu của BKS. Chương trình, nội dung và dự thảo Biên bản các cuộc họp; Nghị quyết và Quyết định của HĐQT được gửi tới BKS cùng thời gian gửi tới các thành viên HĐQT. Báo cáo của BGĐ và các thông tin, tài liệu về quản lý, điều hành hoạt động SXKD, báo cáo tài chính được gửi tới BKS kịp thời và đầy đủ.

In 2025, the coordination between the Board of Supervisors, the Board of Management, the Board of Directors and other managers in the company was maintained and performed well. The Board of Supervisors performed its functions, duties and powers as stipulated in the Company Charter and the Internal Regulations on Corporate Governance; always closely coordinated with the Board of Management and the Board of Directors in performing its duties. The Board of Directors and other managers always created favorable conditions and coordinated well with the Board of Supervisors in all activities. Members of the Board of Management, the Board of Directors and managers provide adequate information and documents as requested by the Board of Supervisors. Agendas, contents and draft meetings minutes; Resolutions and Decisions of the Board of are sent to the Board of Supervisors at the same time as they are sent to members of the Board of Directors. Reports of the Board of Directors and information and documents about management, operation of production and business activities, financial reports are sent to the Supervisory Board promptly and fully.

5. Hoạt động khác của BKS (nếu có)/ *Other activities of the Board of Supervisors (if any):*

BKS tham gia, báo cáo tại ĐHĐCĐ thường niên năm 2025 cũng như tham gia, có ý kiến tại các cuộc họp HĐQT theo đúng quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

The Board of Supervisors participated and reported at the 2025 Annual General Meeting of Shareholders as well as participated and gave opinions at Board of Management meetings in accordance with the provisions of law and the Company's Charter.

IV. Ban Điều hành/ *Board of Directors*

Stt No.	Thành viên Ban điều hành <i>Members of Board of Directors</i>	Ngày tháng năm sinh <i>Date of birth</i>	Trình độ chuyên môn <i>Qualification</i>	Ngày bổ nhiệm <i>Date of appointment</i>
1	Nguyễn Duy Việt	02/10/1978	Cử nhân kinh tế <i>Bachelor of Economics</i>	01/01/2023
2	Đinh Trọng Sơn	22/02/1969	Thạc sỹ kinh tế <i>Master of Economics</i>	01/10/2010
3	Nguyễn Quốc Hưng	21/6/1969	Cử nhân kinh tế <i>Bachelor of Economics</i>	02/6/2017
4	Nguyễn Việt Dũng	10/7/1976	Kỹ sư cơ khí hàng không/ <i>Aerospace Mechanical Engineer</i>	15/8/2022

V. Kế toán trưởng/*Chief Accountant*

Stt No	Họ và tên <i>Name</i>	Ngày tháng năm sinh <i>Date of birth</i>	Trình độ chuyên môn nghiệp vụ/ <i>Qualification</i>	Ngày bổ nhiệm <i>Date of appointment</i>
1	Hồ Xuân Hiếu	18/5/1976	Cử nhân kinh tế <i>Bachelor of Economics</i>	01/8/2024

VI. Đào tạo về quản trị công ty/ *Training courses on corporate governance:*

Các thành viên HĐQT, thành viên BKS, TGD điều hành, Thư ký công ty và cán bộ quản lý khác đã tham gia các khóa đào tạo về quản trị công ty.

Training courses on corporate governance were involved by members of Board of Management, the Board of Supervisors, General Director, other managers and secretaries in accordance with regulations on corporate governance:

VII. Danh sách về người có liên quan của công ty đại chúng và giao dịch của người có liên quan của công ty với chính công ty/ *The list of affiliated persons of the public company and transactions of affiliated persons of the Company)*

1. Danh sách về người có liên quan của công ty/ *The list of affiliated persons of the Company:*

Chi tiết tại Phụ lục 01 đính kèm/ *Details in attached Appendix 01.*

2. Giao dịch giữa công ty với người có liên quan của công ty; hoặc giữa công ty với cổ đông lớn, người nội bộ, người có liên quan của người nội bộ/ *Transactions*

between the Company and its affiliated persons or between the Company and its major shareholders, internal persons and affiliated persons:

Chi tiết tại Phụ lục 01 đính kèm/ *Details in attached Appendix 01.*

3. Giao dịch giữa người nội bộ công ty, người có liên quan của người nội bộ với công ty con, công ty do công ty nắm quyền kiểm soát/ *Transaction between internal persons of the Company, affiliated persons of internal persons and the Company's subsidiaries in which the Company takes controlling power:*

Không phát sinh/ *Does not arise.*

4. Giao dịch giữa công ty với các đối tượng khác/ *Transactions between the Company and other objects:*

4.1 Giao dịch giữa công ty với công ty mà thành viên HĐQT, thành viên BKS, TGD và người quản lý khác đã và đang là thành viên sáng lập hoặc thành viên HĐQT, TGD điều hành trong thời gian ba (03) năm trở lại đây (tính tại thời điểm lập báo cáo)

Transactions between the Company and the company that its members of Board of Management, the Board of Supervisors, Director (General Director) have been founding members or members of Board of Directors, or CEOs in three (03) latest years (calculated at the time of reporting).

Không phát sinh/ *Does not arise.*

4.2 Giao dịch giữa công ty với công ty mà người có liên quan của thành viên HĐQT, thành viên BKS, TGD và người quản lý khác là thành viên HĐQT, TGD điều hành

Transactions between the Company and the company that its affiliated persons with members of Board of Management, Board of Supervisors, Director (General Director) and other managers as a member of Board of Management, Director (General Director or CEO).

Không phát sinh/ *Does not arise.*

4.3 Các giao dịch khác của công ty (nếu có) có thể mang lại lợi ích vật chất hoặc phi vật chất đối với thành viên HĐQT, thành viên BKS, TGD và người quản lý khác

Other transactions of the Company (if any) may bring material or non- material benefits for members of Board of Management, members of the Board of Supervisors, Director (General Director) and other managers.

Không phát sinh/ *Does not arise.*

VIII. Giao dịch cổ phiếu của người nội bộ và người liên quan của người nội bộ/ *Share transactions of internal persons and their affiliated persons*

1. Danh sách người nội bộ và người có liên quan của người nội bộ /*List of insiders and related persons of insiders:*

Chi tiết tại Phụ lục 01 đính kèm/ *Details in attached Appendix 03.*

2. Giao dịch của người nội bộ và người có liên quan đối với cổ phiếu của công ty/ *Transactions of internal persons and affiliated persons with shares of the company:*

Không phát sinh/ *Does not arise.*

IX. Các vấn đề cần lưu ý khác/ *Other significant issues*

Không có/ *None./*

Nơi nhận/ *Recipients:*

- Như trên/ *As above;*
- HĐQT và BKS/BOM & BOS;
- Lưu/Archived: Văn thư/ *Clerical.*

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CHAIRMAN OF THE BOARD OF

MANAGEMENT



Hồ Quang Tuấn



PHỤ LỤC 01/ Appendix No. 01
BÁO CÁO TÌNH HÌNH QUẢN TRỊ CÔNG TY/Corporate Governance Report
Kỳ: Năm 2025/For the Year 2025

VII. Danh sách về người có liên quan của công ty đại chúng và giao dịch của người có liên quan của công ty với chính công ty/ The list of affiliated persons of the public company and transactions of the company
1. Danh sách về người có liên quan của công ty/ The list of affiliated persons of the Company:

Stt/ No.	Tên cá nhân/Tổ chức (Name of Individual/Organization)	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) (Securities Trading Account (if any))	Chức vụ tại Công ty (Position at the Company)	Số giấy NSH (CCCD/Hộ chiếu/ GCNĐKDN) (Identification Number (Citizen ID/Passport/ Business Registration Certificate)))	Ngày cấp NSH (Date of Issue)	Nơi cấp NSH (Place of Issue)	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ (Head Office Address s / Contact Address)	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan (Date of Becoming a Related Party)	Thời điểm không còn là người có liên quan (Date of Ceasing to Be a Related Party)	Lý do (Reason)	Mối quan hệ đối với người nội bộ (Relationship with Insider)
1		2	4	5	6	7	8	9	10	11	12
1	Hồ Quang Tuấn		Chủ tịch HĐQT (Chairman of the Board)					25/06/2020			
2	Nguyễn Duy Việt		TV.HĐQT/ TGD/ Người đại diện theo PL (Member of the Board of Directors/General Director/Legal Representative)					01/01/2023			
3	Nguyễn Giang Tiến		Thành viên HĐQT (Member of the Board of Directors)					11/03/2005			
4	Nguyễn Thanh Dương		Thành viên HĐQT (Member of the Board of Directors)					26/04/2017			
5	Đặng Ngọc Trường		Thành viên HĐQT (Member of the Board of Directors)					28/06/2023	20/06/2025	Hết nhiệm kỳ (End of term)	
6	Vũ Thành Đạt		Thành viên HĐQT (Member of the Board of Directors)					20/06/2025		Tham gia TV.HĐQT (Serve as a member of the Board of Directors)	
7	Đinh Hồng Sơn		Trưởng BKS (Head of Board)					18/04/2019	20/06/2025	Hết nhiệm kỳ (End of term)	
8	Trần Mai Hạnh		Trưởng BKS (Head of Board)					20/06/2025		Tham gia BKS (Participation in the Board of Supervisors)	

Stt/ No.	Tên cá nhân/Tổ chức (Name of Individual/Organization)	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) ((Securities Trading Account (if any)))	Chức vụ tại Công ty (Position at the Company)	Số giấy NSH (CCCD/Hộ chiếu/ GCNDKDN) ((Identification Number (Citizen ID/Passport/ Business Registration Certificate)))	Ngày cấp NSH (Date of Issue)	Nơi cấp NSH (Place of Issue)	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ (Head Office Address / Contact)	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan (Date of Becoming a Related Party)	Thời điểm không còn là người có liên quan (Date of Ceasing to Be a Related Party)	Lý do (Reason)	Mối quan hệ đối với người nội bộ (Relationship with Insider)
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
9	Vũ Xuân Mạnh		Thành viên BKS (Member of Board)					25/06/2020			
10	Nguyễn Văn Tân		Thành viên BKS (Member of Board)					28/06/2023			
11	Đình Trọng Sơn		Phó Tổng Giám đốc (Deputy General Director)					01/05/2005			
12	Nguyễn Quốc Hưng		Phó Tổng Giám đốc (Deputy General Director)					02/06/2017			
13	Nguyễn Việt Dũng		Phó Tổng Giám đốc (Deputy General Director)					25/06/2020			
14	Hồ Xuân Hiếu		Kế toán trưởng/ Người được ủy quyền công bố thông tin (Chief Accountant/Authorized Person for Information Disclosure)					15/04/2023			
15	Nguyễn Thị Hồng Phương		Thư ký Công ty/ TV.TBKTNB (Company Secretary/Member of the Internal Audit Committee)					15/06/2015			
16	Tổng công ty Hàng không Việt Nam - CTCP/Vietnam Airlines JSC		Tổ chức (Organization)					01/05/2005			Công ty mẹ (Parent Company)
17	CN - TCTHK VN - Công ty Bay DV Hàng không/Branch - Vietnam Airlines Corporation - Vietnam Air Service Company		Tổ chức (Organization)					11/07/2014			Chi nhánh của Công ty mẹ (Branch of the Parent Company)
18	Công ty CP Hàng không Pacific Airlines/Pacific Airlines Joint Stock Aviation Company		Tổ chức (Organization)					01/05/2005			Công ty con của Công ty mẹ (Subsidiary of the Parent Company)
19	Công ty CP Dịch vụ Hàng không sân bay Việt Nam (Nasco)/ Vietnam Airport Services Joint Stock Company		Tổ chức (Organization)					05/04/2006			Công ty con của Công ty mẹ (Subsidiary of the Parent Company)

Stt/ No.	Tên cá nhân/Tổ chức (Name of Individual/Organization)	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) (Securities Trading Account (if any))	Chức vụ tại Công ty (Position at the Company)	Số giấy NSH (CCCD/Hộ chiếu/ GNDKDN) (Identification Number (Citizen ID/Passport/ Business Registration Certificate)))	Ngày cấp NSH (Date of Issue)	Nơi cấp NSH (Place of Issue)	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ (Head Office Address / Contact)	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan (Date of Becoming a Related Party)	Thời điểm không còn là người có liên quan (Date of Ceasing to Be a Related Party)	Lý do (Reason)	Mối quan hệ đối với người nội bộ (Relationship with Insider)
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
20	Công ty CP Giao nhận Hàng hóa NASCO/Nasco Logistics Joint Stock Company		Tổ chức (Organization)					22/01/2016			Công ty con của Nasco (Subsidiary of Nasco)
21	Công ty TNHH MTV Dịch vụ mặt đất Sân bay Việt Nam (Viags - TCT)/Vietnam Airport Ground Services Company Limited		Tổ chức (Organization)					01/01/2016			Công ty con của Công ty mẹ (Subsidiary of the Parent Company)
22	Công ty TNHH MTV Dịch vụ mặt đất Sân bay Việt Nam - CN Nội Bài/Vietnam Airport Ground Services Company Limited- Noi Bai Branch		Tổ chức (Organization)					01/11/2016			Công ty con của Viags (Subsidiary of Viags)
23	Công ty TNHH MTV Kỹ thuật máy bay (VAECO)/Vietnam Airlines Engineering Company Limited		Tổ chức (Organization)					02/04/2008			Công ty con của Công ty mẹ (Subsidiary of the Parent Company)
24	Công ty TNHH Dịch vụ giao nhận hàng hóa Tân Sơn Nhất (TECS)/Tan Son Nhut Cargo Services And Forwarding Co., Ltd		Tổ chức (Organization)					05/05/2006			Công ty con của Công ty mẹ (Subsidiary of the Parent Company)
25	Công ty CP Suất ăn Hàng không Nội Bài/Noi Bai Catering Services Joint Stock Company		Tổ chức (Organization)					01/05/2005			Công ty con của Công ty mẹ (Subsidiary of the Parent Company)
26	Công ty CP Tin học Viễn thông Hàng không/Aviation Information And Telecommunications Joint Stock Company		Tổ chức (Organization)					11/11/2008			Công ty con của Công ty mẹ (Subsidiary of the Parent Company)
27	Công ty TNHH Giao nhận hàng hóa VINAKO (VINAKO FORWARDING COMPANY LIMITED)		Tổ chức (Organization)					17/01/2007			Công ty con của Công ty mẹ (Subsidiary of the Parent Company)
28	Công ty CP Xuất nhập khẩu Hàng không/General Aviation Import Export Joint Stock Company		Tổ chức (Organization)					18/05/2006			Công ty liên doanh, liên kết của Công ty mẹ

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ HÀNG HÓA NỘI BÀI
MÃ CHỨNG KHOÁN: NCT

2. Giao dịch giữa công ty với người có liên quan của công ty; hoặc giữa công ty với cổ đông lớn, người nội bộ, người có liên quan của người nội bộ/ Transactions between the Company

Stt/ No	Tên cá nhân/Tổ chức (Name of Individual/Organization)	Mối quan hệ liên quan với Công ty (Relationship with the Company)	Số giấy NSH (CCCD/Hộ chiếu/ GCNDKDN) (Identification Number (Citizen ID/Passport/B business Registration	Ngày cấp NSH (Date of Issue)	Nơi cấp NSH (Place of Issue)	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ (Head Office Address / Contact Address	Thời điểm giao dịch với Công ty (Time of Transaction with the Company)	Nghị quyết, Quyết định của HĐQT/ (Resolutions and Decisions of the General Meeting of Shareholders/ Board of	Nội dung giao dịch (Transaction Details)	Giá trị giao dịch (đồng) (Transaction Value (VND))	Ghi chú (Notes)
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
1	Tổng công ty Hàng không Việt Nam - CTCP/Vietnam Airlines JSC	Công ty mẹ (Parent Company)					Năm 2025	(*)	Bán hàng hóa, dịch vụ (Sale of Goods and Services)	60.580.366.857	
2	CN - TCTHK VN - Công ty Bay DV Hàng không/Branch - Vietnam Airlines Corporation - Vietnam Air Service Company	Chi nhánh của Công ty mẹ (Branch of the Parent Company)					Năm 2025	(*)	Bán hàng hóa, dịch vụ (Sale of Goods and Services)	-	
3	Công ty CP Hàng không Pacific Airlines/Pacific Airlines Joint Stock Aviation Company	Công ty cùng Công ty mẹ (Subsidiary of the Parent Company)					Năm 2025	(*)	Bán hàng hóa, dịch vụ (Sale of Goods and Services)	-	
4	Công ty CP Dịch vụ Hàng không sân bay Việt Nam (Nasco)/ Vietnam Airport Services Joint Stock Company	Công ty cùng Công ty mẹ. Cổ đông lớn (Subsidiary of the Parent Company/Major Shareholder)					Năm 2025	(*)	Mua dịch vụ (Purchase of Services)	3.627.775.644	
5	Công ty CP Giao nhận Hàng hóa NASCO/Nasco Logistics Joint Stock Company	Công ty con của Nasco (Subsidiary of Nasco)					Năm 2025	(*)	Bán hàng hóa, dịch vụ (Sale of Goods and Services)	2.409.463.662	
6	Công ty TNHH MTV Dịch vụ mặt đất Sân bay Việt Nam (Viags - TCT)/Vietnam Airport Ground Services Company Limited	Công ty cùng Công ty mẹ (Subsidiary of the Parent Company)					Năm 2025	(*)	Mua dịch vụ (Purchase of Services)	3.065.377.420	
7	Công ty TNHH MTV Dịch vụ mặt đất Sân bay Việt Nam - CN Nội Bài/Vietnam Airport Ground Services Company Limited- Noibai Branch	Chi nhánh của Viags - TCT (Branch of Subsidiary of the Parent Company)					Năm 2025	(*)	Bán hàng hóa, dịch vụ (Sale of Goods and Services)	-	
							Năm 2025	(*)	Mua dịch vụ (Purchase of Services)	324.528.000	
8	Công ty TNHH MTV Kỹ thuật máy bay (VAECO)/Vietnam Airlines Engineering Company Limited	Công ty cùng Công ty mẹ (Subsidiary of the Parent Company)					Năm 2025	(*)	Bán hàng hóa, dịch vụ (Sale of Goods and Services)	7.430.500	

Stt/ No	Tên cá nhân/Tổ chức (Name of Individual/Organization)	Mối quan hệ liên quan với Công ty (Relationship with the Company)	Số giấy NSH (CCCD/Hộ chiếu/ GCNĐKDN) (Identification Number (Citizen ID/Passport/B usiness Registration	Ngày cấp NSH (Date of Issue)	Nơi cấp NSH (Place of Issue)	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ (Head Office Address / Contact Address	Thời điểm giao dịch với Công ty (Time of Transaction with the Company)	Ngợi quyết, Quyết định của HĐQT/ HĐQT (Resolutions and Decisions of the General Meeting of Shareholders/ Board of	Nội dung giao dịch (Transaction Details)	Giá trị giao dịch (đồng) (Transaction Value (VND))	Ghi chú (Notes)
9	Công ty TNHH Dịch vụ giao nhận hàng hóa Tân Sơn Nhất (TECS)/Tan Son Nhat Cargo Services And Forwarding Co., Ltd	Công ty cùng Công ty mẹ (Subsidiary of the Parent Company)					Năm 2025	(*)	Bán hàng hóa, dịch vụ (Sale of Goods and Services)	295.947.238	
10	Công ty CP Suất ăn Hàng không Nội Bài/Noi Bai Catering Services Joint Stock Company	Công ty cùng Công ty mẹ (Subsidiary of the Parent Company)					Năm 2025	(*)	Bán hàng hóa, dịch vụ (Sale of Goods and Services)	97.501.823	
11	Công ty CP Tin học Viễn thông Hàng không/Aviation Information And Telecommunications Joint Stock Company	Công ty cùng Công ty mẹ (Subsidiary of the Parent Company)					Năm 2025	(*)	Mua dịch vụ (Purchase of Services)	-	
12	Công ty CP Xuất nhập khẩu Hàng không/General Aviation Import Export Joint Stock Company	Công ty liên doanh, liên kết của Công ty mẹ (Joint Ventures and Associates of the Parent Company)					Năm 2025	(*)	Bán hàng hóa, dịch vụ (Sale of Goods and Services)	184.000.000	
									Ứng trước hợp đồng mua TSCĐ (Advances for fixed asset purchases)	138.065.309	
										13.935.240.000	

Ghi chú: (*) Thực hiện theo Nghị quyết số 17/NQ-HĐQT/NCTS ngày 19/10/2022 về chấp thuận hợp đồng, giao dịch giữa Công ty với người có liên quan.

Note: (*) Implemented in accordance with Resolution No. 17/NQ-HĐQT/NCTS dated October 19, 2022 on the approval of contracts and transactions between the Company and related parties

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ HÀNG HÓA NỘI BÀI
MÃ CHỨNG KHOÁN: NCT

PHỤ LỤC 01
BÁO CÁO TÌNH HÌNH QUẢN TRỊ CÔNG TY
Năm 2025

VIII. Danh sách về người có liên quan của công ty đại chúng và giao dịch của người có liên quan của công ty với chính công ty/ *The list of affiliated persons and transactions of internal persons and their affiliated persons*

1. Danh sách người nội bộ và người có liên quan của người nội bộ/*The list of internal persons and their affiliated persons*

Stt/ No.	Họ và tên (Name)	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) (Securities Trading Account)	Chức vụ tại Công ty (Position at the Company)	Số NSH (CCCD/ Hộ chiếu/ GĐKDN) (Identification Number (Citizen ID/Passport/B usiness Registration	Số giấy NSH (Ident ificati on Numb er)	Ngày cấp NSH (Date of Issue)	Nơi cấp NSH (Place of Issue)	Địa chỉ liên hệ (Cont act Addre ss)	Số cổ phiếu sở hữu cuối năm (*) (Number of shares owned at the end of the period)	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối năm (Percentage of shares owned at the end of the period) (%)	Ghi chú (Notes)
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	1100,0000%	12
1	Hồ Quang Tuấn		Chủ tịch HĐQT (Chairman of the Board)	CCCD (Citizen ID)							Người nội bộ (Insider)
1.01	Lê Thị Minh Trang			CCCD (Citizen ID)							Vợ (Wife)
1.02	Hồ Văn Quý			CCCD (Citizen ID)							Bố đẻ (Father)
1.03	Nguyễn Thị Kim Liễu			CCCD (Citizen ID)							Mẹ đẻ (Mother)
1.04	Hồ Lê Quang Huy			CCCD (Citizen ID)							Con đẻ (Child)
1.05	Hồ Lê Quang Minh			CCCD (Citizen ID)							Con đẻ (Child)
1.06	Hồ Quang Tiến			CCCD (Citizen ID)							Em ruột (Younger brother)
1.07	Hồ Thị Phương Lan			CCCD (Citizen ID)							Em ruột (Younger sister)
1.08	Lê Trung Lộc			CCCD (Citizen ID)							Bố vợ (Father-in-law)

Stt/ No.	Họ và tên (Name)	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) (Securities Trading Account)	Chức vụ tại Công ty (Position at the Company)	Số NSH (CCCD/Hộ chiếu/ GBKDN) (Identification Number (Citizen ID/Passport/B usiness Registration)	Số giấy NSH (Ident ificati on Numb er)	Ngày cấp NSH (Date of Issue)	Nơi cấp NSH (Place of Issue)	Địa chỉ liên hệ (Cont act Adre ss)	Số cổ phiếu sở hữu cuối năm (*) (Number of shares owned at the end of the period)	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối năm (Percentage of shares owned at the end of the period) (%)	Ghi chú (Notes)
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
1.09	Nguyễn Thị Hòe			CCCD (Citizen ID)							Mẹ vợ (Mother-in-law)
1.10	Hồ Thị Xuân Hương			CCCD (Citizen ID)							Em dâu (Younger sister-in-law)
2	Nguyễn Duy Việt		TV.HDQT/ TGD/ Người đại diện theo PL (Member of the Board of Directors/General Director/Legal Representative)	CCCD (Citizen ID)							Người nội bộ (Insider)
2.01	Bùi Minh Trang			CCCD (Citizen ID)							Vợ (Wife)
2.02	Nguyễn Hồng Vinh			CCCD (Citizen ID)							Bố đẻ (Father)
2.03	Nguyễn Thị Kim Yến			CCCD (Citizen ID)							Mẹ đẻ (Mother)
2.04	Nguyễn Nam Khánh			CCCD (Citizen ID)							Con đẻ (Child)
2.05	Nguyễn Ngọc Châu Anh			CCCD (Citizen ID)							Con đẻ (Child)
2.06	Bùi Hữu Thủy			CCCD (Citizen ID)							Bố vợ (Father-in-law)
2.07	Nguyễn Thị Định			CCCD (Citizen ID)							Mẹ vợ (Mother-in-law)
3	Nguyễn Giang Tiến		Thành viên HĐQT (Member of the Board of Directors)	CCCD (Citizen ID)					17.745	0,0678%	Người nội bộ (Insider)

Stt/ No.	Họ và tên (Name)	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) (Securities Trading Account)	Chức vụ tại Công ty (Position at the Company)	Số NSH (CCCD/Hộ chiếu/ GBKDN) (Identification Number (Citizen ID/Passport/B usiness Registration	Số giấy NSH (Ident ificati on Numb er)	Ngày cấp NSH (Date of Issue)	Nơi cấp NSH (Place of Issue)	Địa chỉ liên hệ (Cont act Addre ss)	Số cổ phiếu sở hữu cuối năm (*) (Number of shares owned at the end of the period)	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối năm (Percentage of shares owned at the end of the period) (%)	Ghi chú (Notes)
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
3.01	Nguyễn Thị Hoàng Yến			CCCD (Citizen ID)							Vợ (Wife)
3.02	Nguyễn Vinh										Bố (đã mất) (Father (deceased))
3.03	Trịnh Thị Hằng Quý										Mẹ đẻ (đã mất) (Mother (deceased))
3.04	Nguyễn Hoàng Giang			CCCD (Citizen ID)							Con đẻ (Child)
3.05	Nguyễn Bảo Giang			CCCD (Citizen ID)							Con đẻ (Child)
3.06	Nguyễn Trinh Lê			CCCD (Citizen ID)							Chị ruột (Elder sister)
3.07	Nguyễn Hòa Bình			CCCD (Citizen ID)							Em ruột (Younger brother)
3.08	Nguyễn Viết Phan										Bố vợ (đã mất) Father-in-law (deceased)
3.09	Nguyễn Thúy Yên										Mẹ vợ (đã mất) (Mother-in-law (deceased))
3.10	Nguyễn Thị Phương Thảo			CCCD (Citizen ID)							Con dâu (Daughter-in-law)
3.11	Nguyễn Thị Bích Nga			CCCD (Citizen ID)							Em dâu (Younger sister-in-law)
3.12	Công ty cổ phần Tiếp vận và Vận tải ngoại thương Việt			ĐKKD (Business Registration Certificate)							Tổ chức có liên quan (Related Organization)

Stt/ No.	Họ và tên (Name)	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) (Securities Trading Account)	Chức vụ tại Công ty (Position at the Company)	Số NSH (CCCD/ Hộ chiếu/ GĐKDN) (Identification Number (Citizen ID/Passport/B usiness Registration	Số giấy NSH (Ident ificati on Numb er)	Ngày cấp NSH (Date of Issue)	Nơi cấp NSH (Place of Issue)	Địa chỉ liên hệ (Cont act Addre ss)	Số cổ phiếu sở hữu cuối năm (*) (Number of shares owned at the end of the period)	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối năm (Percentage of shares owned at the end of the period) (%)	Ghi chú (Notes)
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	1100,0000%	12
3.13	Công ty cổ phần ALS Đông Hà Nội			ĐKKD (Business Registration Certificate)							Tổ chức có liên quan (Related Organization)
4	Nguyễn Thanh Dương		Thành viên HĐQT (Member of the Board of Directors)	CCCD (Citizen ID)							Người nội bộ (Insider)
4.01	Trần Thị Kim Anh			CCCD (Citizen ID)							Vợ (Wife)
4.02	Nguyễn Thế Quang			CCCD (Citizen ID)							Bố đẻ (Father)
4.03	Nguyễn Thị Đang			CCCD (Citizen ID)							Mẹ đẻ (Mother)
4.04	Nguyễn Thế Đức			CCCD (Citizen ID)							Con đẻ (Child)
4.05	Nguyễn Thế Bảo			CCCD (Citizen ID)							Con đẻ (Child)
4.06	Nguyễn Thế Lưu			CCCD (Citizen ID)							Em ruột (Younger brother)
4.07	Đỗ Thu Trang			CCCD (Citizen ID)							Em dâu (Younger sister-in-law)
4.08	Trần Hữu Ân			CCCD (Citizen ID)							Bố vợ (Father-in-law)
4.09	Lê Thị Ly			CCCD (Citizen ID)							Mẹ vợ (Mother-in-law)

Stt/ No.	Họ và tên (Name)	Tài khoán giao dịch chứng khoán (nếu có) (Securities Trading Account)	Chức vụ tại Công ty (Position at the Company)	Số NSH (CCCD/ Hộ chiếu/ GĐKDN) (Identification Number (Citizen ID/Passport/B usiness Registration	Số giấy NSH (Ident ificati on Numb er)	Ngày cấp NSH (Date of Issue)	Nơi cấp NSH (Place of Issue)	Địa chỉ liên hệ (Cont act Addre ss)	Số cổ phiếu sở hữu cuối năm (*) (Number of shares owned at the end of the period)	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối năm (Percentage of shares owned at the end of the period) (%)	Ghi chú (Notes)
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
5	Đặng Ngọc Trường		Thành viên HĐQT (Member of the Board of Directors)	CCCD (Citizen ID)					0	0,00000%	Người nội bộ (Insider)
5.01	Lã Thị Thúy Hằng			CCCD (Citizen ID)							Vợ (Wife)
5.02	Đặng Xuân Thụ			CCCD (Citizen ID)							Bố đẻ (Father)
5.03	Trần Thị Luật			CCCD (Citizen ID)							Mẹ đẻ (Mother)
5.04	Đặng Ngọc Duy Anh			CCCD (Citizen ID)							Con đẻ (Child)
5.05	Đặng Diệp Bảo An			CCCD (Citizen ID)							Con đẻ (Child)
5.06	Đặng Tùng Anh			CCCD (Citizen ID)							Con đẻ (Child)
5.07	Lã Xuân Luyện			CCCD (Citizen ID)							Bố vợ (đã mất) Father-in-law (deceased)
5.08	Nguyễn Thanh Bình			CCCD (Citizen ID)							Mẹ vợ (Mother-in-law)
5.09	Đặng Ngọc Thụy			CCCD (Citizen ID)							Anh ruột (Elder brother)
5.10	Đặng Ngọc Toàn			CCCD (Citizen ID)							Anh ruột (Elder brother)
5.11	Đặng Thị Thu Trang			CCCD (Citizen ID)							Em ruột (Younger sister)
5.12	Nguyễn Văn Quý			CCCD (Citizen ID)							Em rể (Younger brother-in-law)

Stt/ No.	Họ và tên (Name)	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) (Securities Trading Account)	Chức vụ tại Công ty (Position at the Company)	Số NSH (CCCD/ Hộ chiếu/ GĐKDN) (Identification Number (Citizen ID/Passport/B usiness Registration	Số giấy NSH (Ident ificati on Numb er)	Ngày cấp NSH (Date of Issue)	Nơi cấp NSH (Place of Issue)	Địa chỉ liên hệ (Cont act Addre ss)	Số cổ phiếu sở hữu cuối năm (*) (Number of shares owned at the end of the period)	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối năm (Percentage of shares owned at the end of the period) (%)	Ghi chú (Notes)
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
5.13	Nguyễn Thị Kim Oanh			CCCD (Citizen ID)						1100,00000%	Chị dâu (Elder sister-in-law)
5.14	Long Thị Hồng Thắm			CCCD (Citizen ID)							Chị dâu (Elder sister-in-law)
6	Vũ Thành Đạt		Thành viên HĐQT (Member of the Board of Directors)	CCCD (Citizen ID)					7	0,0000%	Người nội bộ (Insider)
6.01	Trần Thị Liên Hương			CCCD (Citizen ID)							Vợ (Wife)
6.02	Vũ Đức Nguyễn			CCCD (Citizen ID)							Bố đẻ (Father)
6.03	Phạm Thị Phương Mai			CCCD (Citizen ID)							Mẹ đẻ (Mother)
6.04	Vũ Khánh Linh			CCCD (Citizen ID)							Con đẻ (Child)
6.05	Vũ Đức Thành			CCCD (Citizen ID)							Con đẻ (Child)
6.06	Vũ Phương Cúc			CCCD (Citizen ID)							Em ruột (Younger sister)
6.07	Hoàng Quang Tiến			CCCD (Citizen ID)							Em rể (Younger brother-in-law)
6.08	Vũ Quang Đại			CCCD (Citizen ID)							Em ruột (Younger brother)
6.09	Nguyễn Thị Bình			CCCD (Citizen ID)							Em dâu (Younger sister-in-law)
6.10	Vũ Ngọc Châu			CCCD (Citizen ID)							Em ruột (Younger sister)

Stt/ No.	Họ và tên (Name)	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) (Securities Trading Account)	Chức vụ tại Công ty (Position at the Company)	Số NSH (CCCD/ Hộ chiếu/ GBKDN) (Identification Number (Citizen ID/Passport/B usiness Registration	Số giấy NSH (Ident ificati on Numb er)	Ngày cấp NSH (Date of Issue)	Nơi cấp NSH (Place of Issue)	Địa chỉ liên hệ (Cont act Addre ss)	Số cổ phiếu sở hữu cuối năm (*) (Number of shares owned at the end of the period)	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối năm (Percentage of shares owned at the end of the period) (%)	Ghi chú (Notes)
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
6.11	Vũ Hải Hà			CCCD (Citizen ID)							Em rể (Younger brother-in-law)
6.12	Trần Mạnh Tiếp			CCCD (Citizen ID)							Bố vợ (Father-in-law)
6.13	Nguyễn Thị Kim Liên			CCCD (Citizen ID)							Mẹ vợ (Mother-in-law)
7	Đinh Hồng Sơn		Trưởng BKS (Head of Board)	CCCD (Citizen ID)							Người nội bộ (Insider)
7.01	Nguyễn Thị Hoài Chân			CCCD (Citizen ID)							Vợ (Wife)
7.02	Đinh Nho Bằng			CCCD (Citizen ID)							Bố đẻ (Father)
7.03	Trần Thị Thu Hà			CCCD (Citizen ID)							Mẹ đẻ (Mother)
7.04	Đinh Nhật Quang			CCCD (Citizen ID)							Con đẻ (Child)
7.05	Đinh Việt Bách			CCCD (Citizen ID)							Con đẻ (Child)
7.06	Đinh Thị Bích Hòa			CCCD (Citizen ID)							Chị ruột (Elder sister)
7.07	Đinh Thị Bích Thủy			CCCD (Citizen ID)							Em ruột (Younger sister)
7.08	Nguyễn Tự Chi										Bố vợ (đã mất) Father-in-law (deceased)
7.09	Lê Thị Bằng			CCCD (Citizen ID)							Mẹ vợ (Mother-in-law)

Stt/ No.	Họ và tên (Name)	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) (Securities Trading Account)	Chức vụ tại Công ty (Position at the Company)	Số NSH (CCCD/ Hộ chiếu/ GĐKDN) (Identification Number (Citizen ID/Passport/B usiness Registration	Số giấy NSH (Ident ificati on Numb er)	Ngày cấp NSH (Date of Issue)	Nơi cấp NSH (Place of Issue)	Địa chỉ liên hệ (Cont act Addre ss)	Số cổ phiếu sở hữu cuối năm (*) (Number of shares owned at the end of the period)	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối năm (Percentage of shares owned at the end of the period) (%)	Ghi chú (Notes)
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
7.10	Tạ Mạnh Thắng			CCCD (Citizen ID)						1100,00000%	Em rể (Younger brother-in-law)
7.11	Công ty Cổ phần Dịch vụ hàng không sân bay Đà Nẵng			ĐKKD (Business Registration Certificate)							Tổ chức có liên quan (Related Organization)
7.12	Công ty Cổ phần Dịch vụ hàng hóa Tân Sơn Nhất			ĐKKD (Business Registration Certificate)							Tổ chức có liên quan (Related Organization)
8	Trần Mai Hạnh		Trưởng BKS (Head of Board)	CCCD (Citizen ID)					8	0,0000%	Người nội bộ (Insider)
8.01	Hoàng Đông Hải			CCCD (Citizen ID)							Con trai (Son)
8.02	Hoàng Linh Chi			CCCD (Citizen ID)							Con gái (Daughter)
8.03	Trần Vinh Hiền			CCCD (Citizen ID)							Bố đẻ (Father)
8.04	Đỗ Thị Phé			CCCD (Citizen ID)							Mẹ đẻ (Mother)
8.05	Trần Hồng Văn			CCCD (Citizen ID)							Em ruột (Younger sister)
8.06	Trần Hiếu			CCCD (Citizen ID)							Em ruột (Younger brother)
9	Vũ Xuân Mạnh		Thành viên BKS (Member of Board)	CCCD (Citizen ID)							Người nội bộ (Insider)
9.01	Vũ Xuân Vững			CCCD (Citizen ID)							Bố đẻ (Father)

Stt/ No.	Họ và tên (Name)	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) ((Securities Trading Account	Chức vụ tại Công ty (Position at the Company)	Số NSH (CCCD/ Hộ chiếu/ GĐKDN) (Identification Number (Citizen ID/Passport/B usiness Registration	Số giấy NSH (Ident ificati on Numb er)	Ngày cấp NSH (Date of Issue)	Nơi cấp NSH (Place of Issue)	Địa chỉ liên hệ (Cont act Addre ss)	Số cổ phiếu sở hữu cuối năm (*) (Number of shares owned at the end of the period)	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối năm (Percentage of shares owned at the end of the period) (%)	Ghi chú (Notes)
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
9.02	Vũ Thị Hải			CCCD (Citizen ID)							Mẹ đẻ (Mother)
9.03	Hoàng Thị Tháo			CCCD (Citizen ID)							Vợ (Wife)
9.04	Vũ Gia Kiệt			CCCD (Citizen ID)							Con đẻ (Child)
9.05	Vũ Tháo Trình			CCCD (Citizen ID)							Con đẻ (Child)
9.06	Vũ Xuân Tùng			CCCD (Citizen ID)							Em ruột (Younger brother)
9.07	Hoàng Văn Minh			CCCD (Citizen ID)							Bố vợ (Father-in-law)
9.08	Nguyễn Thị Đệ			CCCD (Citizen ID)							Mẹ vợ (Mother-in-law)
9.09	Nguyễn Thị Hoa			CCCD (Citizen ID)							Em dâu (Younger sister-in-law)
9.10	Công ty CP Dịch vụ Hàng không sân bay Nội Bai			ĐKKD (Business Registration Certificate)							Tổ chức có liên quan (Related Organization)
10	Nguyễn Văn Tân		Thành viên BKS (Member of Board)	CCCD (Citizen ID)					0	0,0000%	
10.02	Nguyễn Văn Thanh			CCCD (Citizen ID)							Bố đẻ (Father)
10.03	Nguyễn Thị Quý			CCCD (Citizen ID)							Mẹ đẻ (Mother)

Stt/ No.	Họ và tên (Name)	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) (Securities Trading Account)	Chức vụ tại Công ty (Position at the Company)	Số NSH (CCCD/Hộ chiếu/ GBKDN) (Identification Number (Citizen ID/Passport/B usiness Registration	Số giấy NSH (Ident ificati on Numb er)	Ngày cấp NSH (Date of Issue)	Nơi cấp NSH (Place of Issue)	Địa chỉ liên hệ (Cont act Addre ss)	Số cổ phiếu sở hữu cuối năm (*) (Number of shares owned at the end of the period)	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối năm (Percentage of shares owned at the end of the period) (%)	Ghi chú (Notes)
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
10.04	Nguyễn Văn Tiến			CCCD (Citizen ID)							Em ruột (Younger brother)
10.05	Nguyễn Phương Nhi			CCCD (Citizen ID)							Em ruột (Younger sister)
11	Đinh Trọng Sơn		Phó Tổng Giám đốc (Deputy General Director)	CCCD (Citizen ID)					10.500	0,0401%	Người nội bộ (Insider)
11.01	Trần Nguyễn Hợp Châu			CCCD (Citizen ID)							Vợ (Wife)
11.02	Đinh Trọng Hiến			CMND (ID Card)							Bố đẻ (Father)
11.03	Hồ Thị Quy			CMND (ID Card)							Mẹ đẻ (Mother)
11.04	Đinh Châu Giang			CCCD (Citizen ID)							Con đẻ (Child)
11.05	Đinh Trọng Khái Nguyễn			CCCD (Citizen ID)							Con đẻ (Child)
11.06	Đinh Trọng Toàn			CCCD (Citizen ID)							Anh ruột (Elder brother)
11.07	Đinh Viết Thắng			CCCD (Citizen ID)							Anh ruột (Elder brother)
11.08	Đinh Thị Quế			CCCD (Citizen ID)							Chị ruột (Elder sister)
11.09	Đinh Thị Hà			CCCD (Citizen ID)							Chị ruột (Elder sister)
11.10	Đinh Trọng Hai			CCCD (Citizen ID)							Em ruột (Younger brother)

Stt/ No.	Họ và tên (Name)	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) (Securities Trading Account)	Chức vụ tại Công ty (Position at the Company)	Số NSH (CCCD/Hộ chiếu/ GBKDN) (Identification Number (Citizen ID/Passport/B usiness Registration	Số giấy NSH (Ident ificati on Numb er)	Ngày cấp NSH (Date of Issue)	Nơi cấp NSH (Place of Issue)	Địa chỉ liên hệ (Cont act Addre ss)	Số cổ phiếu sở hữu cuối năm (*) (Number of shares owned at the end of the period)	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối năm (Percentage of shares owned at the end of the period) (%)	Ghi chú (Notes)
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
11.11	Đinh Trọng Lạng			CCCD (Citizen ID)							Em ruột (Younger brother)
11.12	Đinh Trọng Long			CCCD (Citizen ID)							Em ruột (Younger brother)
11.13	Hồ Sơn			CCCD (Citizen ID)							Anh rể (Elder brother-in-law)
11.14	Hồ Thị Quế			CCCD (Citizen ID)							Chị dâu (Elder sister-in-law)
11.15	Hồ Thị Đồng			CCCD (Citizen ID)							Chị dâu (Elder sister-in-law)
11.16	Hồ Thị Thúy			CCCD (Citizen ID)							Em dâu (Younger sister-in-law)
11.17	Hồ Thị Hải			CCCD (Citizen ID)							Em dâu (Younger sister-in-law)
11.18	Trần Thị Thu Hiền			CCCD (Citizen ID)					7	0,0000%	Em dâu (Younger sister-in-law)
11.19	Trần Hữu Bảo										Bố vợ (đã mất) Father-in-law (deceased)
11.20	Nguyễn Thị Thanh Hào										Mẹ vợ (đã mất) Mother-in-law (deceased))
12	Nguyễn Quốc Hưng		Phó Tổng Giám đốc (Deputy General Director)	CCCD (Citizen ID)							Người nội bộ (Insider)
12.01	Nguyễn Thắng										Bố (đã mất) (Father (deceased))
12.02	Đào Thị Vy			CMND (ID Card)							Mẹ đẻ (Mother)

Stt/ No.	Họ và tên (Name)	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) (Securities Trading Account)	Chức vụ tại Công ty (Position at the Company)	Số NSH (CCCD/Hộ chiếu/ GĐKDN) (Identification Number (Citizen ID/Passport/B usiness Registration	Số giấy NSH (Ident ificati on Numb er)	Ngày cấp NSH (Date of Issue)	Nơi cấp NSH (Place of Issue)	Địa chỉ liên hệ (Cont act Adde ss)	Số cổ phiếu sở hữu cuối năm (*) (Number of shares owned at the end of the period)	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối năm (Percentage of shares owned at the end of the period) (%)	Ghi chú (Notes)
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
12.03	Phạm Thị Kim Thu			CCCD (Citizen ID)							Vợ (Wife)
12.04	Nguyễn Minh Hiệp			CCCD (Citizen ID)							Con đẻ (Child)
12.05	Nguyễn Thu Phương			CCCD (Citizen ID)							Con đẻ (Child)
12.06	Nguyễn Thị Minh Yến			CCCD (Citizen ID)							Chị ruột (Elder sister)
12.07	Nguyễn Thị Bích Ngọc			CCCD (Citizen ID)							Chị ruột (Elder sister)
12.08	Nguyễn Quang Sơn			CCCD (Citizen ID)							Anh rể (Elder brother-in-law)
12.09	Lê Hồng Tiến			CCCD (Citizen ID)							Anh rể (Elder brother-in-law)
12.10	Nguyễn Thị Tám			CCCD (Citizen ID)							Mẹ vợ (Mother-in-law)
12.11	Phạm Đăng Ty										Bồ vợ (đã mất) Father-in-law (deceased)
13	Nguyễn Việt Dũng		Phó Tổng Giám đốc (Deputy General Director)	CCCD (Citizen ID)							Người nội bộ (Insider)
13.01	Đàm Thị Thu Dung			CCCD (Citizen ID)							Vợ (Wife)
13.02	Nguyễn Việt Cường										Bố đẻ (đã mất) (Father)
13.03	Đinh Thị Nhuận			CCCD (Citizen ID)							Mẹ đẻ (Mother)



Stt/ No.	Họ và tên (Name)	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) ((Securities Trading Account	Chức vụ tại Công ty (Position at the Company)	Số NSH (CCCD/Hộ chiếu/ GBKDN) (Identification Number (Citizen ID/Passport/B usiness Registration	Số giấy NSH (Ident ificati on Numb er)	Ngày cấp NSH (Date of Issue)	Nơi cấp NSH (Place of Issue)	Địa chỉ liên hệ (Cont act of Addre ss)	Số cổ phiếu sở hữu cuối năm (*) (Number of shares owned at the end of the period)	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối năm (Percentage of shares owned at the end of the period) (%)	Ghi chú (Notes)
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
13.04	Nguyễn Việt Anh			CCCD (Citizen ID)							Con đẻ (Child)
13.05	Nguyễn Ngọc Minh			CCCD (Citizen ID)							Con đẻ (Child)
13.06	Nguyễn Việt Hùng			CCCD (Citizen ID)							Anh ruột (Elder brother)
13.07	Nguyễn Thị Minh Nguyệt			CCCD (Citizen ID)							Chị ruột (Elder sister)
13.08	Đàm Thanh Hòa			CCCD (Citizen ID)							Bố vợ (Father-in-law)
13.09	Vũ Thị Tư			CCCD (Citizen ID)							Mẹ vợ (Mother-in-law)
13.10	Nguyễn Đức Lý			CCCD (Citizen ID)							Anh rể (Elder brother-in-law)
13.11	Nguyễn Thị Tuyết			CCCD (Citizen ID)							Chị dâu (Elder sister-in-law)
14	Hồ Xuân Hiếu		Kế toán trưởng/ Người được ủy quyền công bố thông tin (Chief Accountant/Authorized Person for	CCCD (Citizen ID)							
14.01	Phạm Văn Thọ			CCCD (Citizen ID)							Chồng (Husband)
14.02	Hồ Viết Bá			CCCD (Citizen ID)							Bố đẻ (đã mất) (Father (deceased))
14.03	Nguyễn Thị Thái			CCCD (Citizen ID)							Mẹ đẻ (đã mất) (Mother (deceased))

S/tt/ No.	Họ và tên (Name)	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) (Securities Trading Account)	Chức vụ tại Công ty (Position at the Company)	Số NSH (CCCD/Hộ chiếu/ GĐKDN) (Identification Number (Citizen ID/Passport/B usiness Registration)	Số giấy NSH (Ident ificati on Numb er)	Ngày cấp NSH (Date of Issue)	Nơi cấp NSH (Place of Issue)	Địa chỉ liên hệ (Cont act Adde ss)	Số cổ phiếu sở hữu cuối năm (*) (Number of shares owned at the end of the period)	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối năm (Percentage of shares owned at the end of the period) (%)	Ghi chú (Notes)
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
14.04	Phạm Hương Giang			CCCD (Citizen ID)							Con đẻ (Child)
14.05	Phạm Anh Thư			CCCD (Citizen ID)							Con đẻ (Child)
14.06	Phạm Thùy Chi			CCCD (Citizen ID)							Con đẻ (Child)
14.07	Phạm Đăng Hoài			CCCD (Citizen ID)							Con đẻ (Child)
14.08	Phạm Văn Thanh			CCCD (Citizen ID)							Bố chồng (Father-in-law)
14.09	Nguyễn Thị Dung			CCCD (Citizen ID)							Mẹ chồng (Mother-in-law)
14.10	Hồ Xuân Cường			CCCD (Citizen ID)							Anh ruột (đã mất) (Elder brother (deceased))
14.11	Bùi Thị Hợi			CCCD (Citizen ID)							Chị dâu (Elder sister-in-law)
15	Nguyễn Thị Hồng Phương		Thư ký Công ty/ TV.TBKTNB (Company Secretary/Member of the Internal Audit Committee)	CCCD (Citizen ID)					1	0,0000%	Người nội bộ (Insider)
15.01	Cù Thanh Tiến										Chồng (đã mất) (Husband (deceased))
15.02	Cù Thu Hà			CCCD (Citizen ID)							Con đẻ (Child)
15.03	Cù Nam Khánh			CCCD (Citizen ID)							Con đẻ (Child)

Stt/ No.	Họ và tên (Name)	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) (Securities Trading Account)	Chức vụ tại Công ty (Position at the Company)	Số NSH (CCCD/ Hộ chiếu/ GĐKDN) (Identification Number (Citizen ID/Passport/B usiness Registration)	Số giấy NSH (Ident ificati on Numb er)	Ngày cấp NSH (Date of Issue)	Nơi cấp NSH (Place of Issue)	Địa chỉ liên hệ (Cont act Adde ss)	Số cổ phiếu sở hữu cuối năm (*) (Number of shares owned at the end of the period)	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối năm (Percentage of shares owned at the end of the period) (%)	Ghi chú (Notes)
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
15.04	Cù Chính Nghệ			CMND (ID Card)							Bố chồng (Father-in-law)
15.05	Cù Thị Thương			CMND (ID Card)							Mẹ chồng (Mother-in-law)
15.06	Nguyễn Khắc Khai										Bố đẻ (đã mất) (Father)
15.07	Khuất Thị Nhân										Mẹ đẻ (đã mất) (Mother (deceased))
15.08	Nguyễn Thị Hương			CCCD (Citizen ID)							Chị ruột (Elder sister)
15.09	Nguyễn Thị Minh Ngọc			CCCD (Citizen ID)							Chị ruột (Elder sister)
15.10	Nguyễn Quốc Anh			CCCD (Citizen ID)							Anh ruột (Elder brother)
15.11	Nguyễn Thị Minh Nguyệt			CCCD (Citizen ID)					1.440	0,0055%	Chị ruột (Elder sister)
15.12	Nguyễn Quốc Cường			CCCD (Citizen ID)							Anh ruột (Elder brother)
15.13	Lê Đăng Dung			CCCD (Citizen ID)							Anh rể (Elder brother-in-law)
15.14	Vũ Văn Hiến			CCCD (Citizen ID)							Anh rể (Elder brother-in-law)
15.15	Đặng Vũ Sơn			CCCD (Citizen ID)							Anh rể (Elder brother-in-law)

Stt/ No.	Họ và tên (Name)	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) (Securities Trading Account)	Chức vụ tại Công ty (Position at the Company)	Số NSH (CCCD/ Hộ chiếu/ GĐKDN) (Identification Number (Citizen ID/Passport/B usiness Registration	Số giấy NSH (Ident ificati on Numb er)	Ngày cấp NSH (Date of Issue)	Nơi cấp NSH (Place of Issue)	Địa chỉ liên hệ (Cont act Addre ss)	Số cổ phiếu sở hữu cuối năm (*) (Number of shares owned at the end of the period)	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối năm (Percentage of shares owned at the end of the period) (%)	Ghi chú (Notes)
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
15.16	Nguyễn Thị Anh Nga			CCCD (Citizen ID)							Chị dâu (Elder sister-in-law)
16	Tổng công ty Hàng không Việt Nam - CTCP/Vietnam Airlines JSC			ĐKKD (Business Registration Certificate)					14.425.401	55,1283%	Công ty mẹ (Parent Company)
16.01	CN - TCTHK VN - Công ty Bay DV Hàng không/Branch – Vietnam Airlines Corporation – Vietnam Air Service Company			ĐKKD (Business Registration Certificate)							Chi nhánh của Công ty mẹ (Branch of the Parent Company)
16.02	Công ty CP Hàng không Pacific Airlines/Pacific Airlines Joint Stock Aviation Company			ĐKKD (Business Registration Certificate)							Công ty con của Công ty mẹ (Subsidiary of the Parent Company)
16.03	Công ty CP Dịch vụ Hàng không sân bay Việt Nam (Nasco)/ Vietnam Airport Services Joint Stock Company .			ĐKKD (Business Registration Certificate)					1.827.649	6,9846%	Công ty con của Công ty mẹ (Subsidiary of the Parent Company)
16.04	Công ty CP Giao nhận Hàng hóa NASCO/Nasco Logistics Joint Stock Company			ĐKKD (Business Registration Certificate)							Công ty con của Nasco (Subsidiary of Nasco)
16.05	Công ty TNHH MTV Dịch vụ mặt đất Sân bay Việt Nam (Viags - TCT)/Vietnam Airport Ground Services Company Limited			ĐKKD (Business Registration Certificate)							Công ty con của Công ty mẹ (Subsidiary of the Parent Company)

Stt/ No.	Họ và tên (Name)	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) ((Securities Trading Account	Chức vụ tại Công ty (Position at the Company)	Số NSH (CCCD/ Hộ chiếu/ ĐKKD) (Identification Number (Citizen ID/Passport/B usiness Registration	Số giấy NSH (Ident ificati on Numb er)	Ngày cấp NSH (Date of Issue)	Nơi cấp NSH (Place of Issue)	Địa chỉ liên hệ (Cont act Addre ss)	Số cổ phiếu sở hữu cuối năm (*) (Number of shares owned at the end of the period)	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối năm (Percentage of shares owned at the end of the period) (%)	Ghi chú (Notes)
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
16.06	Công ty TNHH MTV Dịch vụ mặt đất Sân bay Việt Nam - CN Nội Bài/Vietnam Airport Ground Services Company Limited- Noibai Branch			ĐKKD (Business Registration Certificate)							Công ty con của Viags (Subsidiary of Viags)
16.07	Công ty TNHH MTV Kỹ thuật máy bay (VAECO)/Vietnam Airlines Engineering Company Limited			ĐKKD (Business Registration Certificate)							Công ty con của Công ty mẹ (Subsidiary of the Parent Company)
16.08	Công ty TNHH Dịch vụ giao nhận hàng hóa Tân Sơn Nhất (TECS)/Tan Son Nhat Cargo Services And Forwarding Co., Ltd			ĐKKD (Business Registration Certificate)							Công ty con của Công ty mẹ (Subsidiary of the Parent Company)
16.09	Công ty CP Suất ăn Hàng không Nội Bài/Noi Bai Catering Services Joint Stock Company			ĐKKD (Business Registration Certificate)							Công ty con của Công ty mẹ (Subsidiary of the Parent Company)
16.10	Công ty CP Tin học Viễn thông Hàng không/Aviation Information And Telecommunications Joint Stock Company			ĐKKD (Business Registration Certificate)							Công ty con của Công ty mẹ (Subsidiary of the Parent Company)
16.11	Công ty CP Xuất nhập khẩu Hàng không/General Aviation Import Export Joint Stock Company			ĐKKD (Business Registration Certificate)							Công ty liên doanh, liên kết của Công ty mẹ (Joint Ventures and Associates of the

(*) Số cổ phiếu chốt theo danh sách chốt ngày 18/11/2025 do Trung tâm lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam cung cấp.
(The number of shares is determined based on the shareholder list as of the record date of November 18, 2025, as provided by the Vietnam Securities Depository and Clearing Corporation.)

2. Giao dịch của người nội bộ và người có liên quan đối với cổ phiếu của công ty/ Transactions of internal persons and affiliated persons with shares of the
Không phát sinh/ Does not arise.

Stt/ No.	Họ và tên (Name)	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) ((Securities Trading Account	Chức vụ tại Công ty (Position at the Company)	Số NSH (CCCD/ Hộ chiếu/ GĐKDN) (Identification Number (Citizen ID/Passport/B usiness Registration	Số giấy NSH (Ident ificati on Numb er)	Ngày cấp NSH (Date of Issue)	Nơi cấp NSH (Place of Issue)	Địa chỉ liên hệ (Cont act Addre ss)	Số cổ phiếu sở hữu cuối năm (*) (Number of shares owned at the end of the period)	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối năm (Percentage of shares owned at the end of the period) (%)	Ghi chú (Notes)
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	1100,0000%	12



PHỤ LỤC 02

DANH SÁCH NGƯỜI NỘI BỘ VÀ NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN (CÁ NHÂN, TỔ CHỨC) ĐẾN NGƯỜI NỘI BỘ

(Kèm theo Báo cáo tình hình quản trị công ty năm 2025)

Mã chứng khoán: NCT

Tên Công ty: Công ty Cổ phần dịch vụ hàng hóa Nội Bài

Ngày chốt: 18/11/2025

	Mã CK (Securities Code)	Họ và tên (Name)	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) (Securities Trading Account (if any))	Chức vụ tại Công ty (Position at the Company)	Mối quan hệ với người nội bộ (Relationship with an Insider)	Loại hình NSH (CMND/ CCCD/ Hộ chiếu/ GĐKD)	Số giấy NSH (Identification Number)	Ngày cấp NSH (Date of Issue)	Nơi cấp NSH (Place of Issue)	Địa chỉ liên hệ (Head Office Address / Contact Address)	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ (Number of shares owned at the end of the period)	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ (Percentage of shares owned at the end of the period (%))	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan nội bộ (Date of Becoming a Related Party of the Insider)	Thời điểm không còn là người có liên quan nội bộ (Date of Ceasing to Be a Related Party of the Insider)	Lý do thay đổi liên quan đến mục 14 và 15 (Reason for Changes Related to Items 14 and 15)	Ghi chú (về việc không có số NSH và các ghi chú khác) (Notes)
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17
1	NCT	Hồ Quang Tuấn		Chủ tịch HĐQT (Chairman of the Board)	Người nội bộ (Insider)	CCCD (Citizen ID)							25/06/2020			
1.01	NCT	Lê Thị Minh Trang			Vợ (Wife)	CCCD (Citizen ID)							25/06/2020			
1.02	NCT	Hồ Văn Quý			Bố đẻ (Father)	CCCD (Citizen ID)							25/06/2020			
1.03	NCT	Nguyễn Thị Kim Liễu			Mẹ đẻ (Mother)	CCCD (Citizen ID)							25/06/2020			
1.04	NCT	Hồ Lê Quang Huy			Con đẻ (Child)	CCCD (Citizen ID)							25/06/2020			
1.05	NCT	Hồ Lê Quang Minh			Con đẻ (Child)	CCCD (Citizen ID)							25/06/2020			
1.06	NCT	Hồ Quang Tiến			Em ruột (Younger brother)	CCCD (Citizen ID)							25/06/2020			
1.07	NCT	Hồ Thị Phương Lan			Em ruột (Younger sister)	CCCD (Citizen ID)							25/06/2020			
1.08	NCT	Lê Trung Lộc			Bố vợ (Father-in-law)	CCCD (Citizen ID)							25/06/2020			
1.09	NCT	Nguyễn Thị Hòe			Mẹ vợ (Mother-in-law)	CCCD (Citizen ID)							25/06/2020			
1.10	NCT	Hồ Thị Xuân Hương			Em dâu (Younger sister-in-law)	CCCD (Citizen ID)							25/06/2020			
2	NCT	Nguyễn Duy Việt		TV.HDQT/ TGB/ Người đại diện theo PL (Member of the Board of Directors/General Director/Legal Representative)	Người nội bộ (Insider)	CCCD (Citizen ID)							01/01/2023			

Stt (No.)	Mã CK (Securities Code)	Họ và tên (Name)	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) (Securities Trading Account (if any))	Chức vụ tại Công ty (Position at the Company)	Mối quan hệ với người nội bộ (Relationship with an Insider)	Loại hình NSH (CMND/Hộ chiếu/GĐKDN) (Type of Owner Identification)	Số giấy NSH (Identification Number)	Ngày cấp NSH (Date of Issue)	Nơi cấp NSH (Place of Issue)	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ (Head Office Address / Contact Address)	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ (Number of shares owned at the end of the period)	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ (Percentage of shares owned at the end of the period) (%)	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan của người nội bộ (Date of Becoming a Related Party of the Insider)	Thời điểm không còn là người có liên quan của người nội bộ (Date of Ceasing to Be a Related Party of the Insider)	Lý do thay đổi liên quan đến mục 14 và 15 (Reason for Changes Related to Items 14 and 15)	Ghi chú về việc không có số NSH và các ghi chú khác (Notes)
2.01	NCT	Bùi Minh Trang			Vợ (Wife)	CCCD (Citizen ID)							01/01/2023			
2.02	NCT	Nguyễn Hồng Vinh			Bố đẻ (Father)	CCCD (Citizen ID)							01/01/2023			
2.03	NCT	Nguyễn Thị Kim Yến			Mẹ đẻ (Mother)	CCCD (Citizen ID)							01/01/2023			
2.04	NCT	Nguyễn Nam Khánh			Con đẻ (Child)	CCCD (Citizen ID)							01/01/2023			
2.05	NCT	Nguyễn Ngọc Châu Anh			Con đẻ (Child)	CCCD (Citizen ID)							01/01/2023			
2.06	NCT	Bùi Hữu Thủy			Bố vợ (Father-in-law)	CCCD (Citizen ID)							01/01/2023			
2.07	NCT	Nguyễn Thị Định			Mẹ vợ (Mother-in-law)	CCCD (Citizen ID)							01/01/2023			
3	NCT	Nguyễn Giang Tiến		Thành viên HĐQT (Member of the Board of Directors)	Người nội bộ (Insider)	CCCD (Citizen ID)					17.745	0,068%	11/03/2005			
3.01	NCT	Nguyễn Thị Hoàng Yến			Vợ (Wife)	CCCD (Citizen ID)							11/03/2005			
3.02	NCT	Nguyễn Vinh			Bố (đã mất) (Father (deceased))											Đã mất (Deceased)
3.03	NCT	Trịnh Thị Hằng Quý			Mẹ đẻ (đã mất) (Mother (deceased))											Đã mất (Deceased)
3.04	NCT	Nguyễn Hoàng Giang			Con đẻ (Child)	CCCD (Citizen ID)							11/03/2005			
3.05	NCT	Nguyễn Bảo Giang			Con đẻ (Child)	CCCD (Citizen ID)							11/03/2005			
3.06	NCT	Nguyễn Trinh Lê			Chị ruột (Elder sister)	CCCD (Citizen ID)							11/03/2005			
3.07	NCT	Nguyễn Hòa Bình			Em ruột (Younger brother)	CCCD (Citizen ID)							11/03/2005			
3.08	NCT	Nguyễn Việt Phan			Bố vợ (đã mất) Father-in-law (deceased)											Đã mất (Deceased)

Sit (No.)	Mã CK (Securities Code)	Họ và tên (Name)	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) (Securities Trading Account (if any))	Chức vụ tại Công ty (Position at the Company)	Mối quan hệ với người nội bộ (Relationship with an Insider)	Loại hình NSH (CMND/ CCCD/ Hộ chiếu/ GBKDN) (Type of Owner Identification ID) Card/Citizen ID/Passport /Business Registration ID)	Số giấy NSH (Identification Number)	Ngày cấp NSH (Date of Issue)	Nơi cấp NSH (Place of Issue)	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ (Head Office Address s/ Contact Address s)	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ (Number of shares owned at the end of the period)	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ (Percentage of shares owned at the end of the period) (%)	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan của người nội bộ (Date of Becoming a Related Party of the Insider)	Thời điểm không còn là người có liên quan của người nội bộ (Date of Ceasing to Be a Related Party of the Insider)	Lý do thay đổi liên quan đến mục 14 và 15 (Reason for Changes Related to Items 14 and 15)	Ghi chú (về việc không có số NSH và các ghi chú khác) (Notes)	
3.09	NCT	Nguyễn Thúy Yên			Mẹ vợ (đã mất) (Mother-in-law (deceased))												Đã mất (Deceased)
3.10	NCT	Nguyễn Thị Phương Thảo			Con dâu (Daughter-in-law)	CCCD (Citizen ID)							11/03/2005				
3.11	NCT	Nguyễn Thị Bích Nga			Em dâu (Younger sister-in-law)	CCCD (Citizen ID)							11/03/2005				
3.12	NCT	Công ty cổ phần Tiếp vận và Vận tải ngoại thương Việt			Tổ chức có liên quan (Related Organization)	ĐKKD (Business Registration Certificate)							18/12/2013				Là Tổng Giám đốc (the General Director)
3.13	NCT	Công ty cổ phần ALS Đông Hà Nội			Tổ chức có liên quan (Related Organization)	ĐKKD (Business Registration Certificate)											Là Chủ tịch HĐQT (Chairman of the Board)
4	NCT	Nguyễn Thanh Dương		Thành viên HĐQT (Member of the Board of Directors)	Người nội bộ (Insider)	CCCD (Citizen ID)							26/04/2017				
4.01	NCT	Trần Thị Kim Anh			Vợ (Wife)	CCCD (Citizen ID)							26/04/2017				
4.02	NCT	Nguyễn Thế Quang			Bố đẻ (Father)	CCCD (Citizen ID)							26/04/2017				
4.03	NCT	Nguyễn Thị Dung			Mẹ đẻ (Mother)	CCCD (Citizen ID)							26/04/2017				
4.04	NCT	Nguyễn Thế Đức			Con đẻ (Child)	CCCD (Citizen ID)							26/04/2017				
4.05	NCT	Nguyễn Thế Bảo			Con đẻ (Child)	CCCD (Citizen ID)							26/04/2017				
4.06	NCT	Nguyễn Thế Lưu			Em ruột (Younger brother)	CCCD (Citizen ID)							26/04/2017				
4.07	NCT	Đỗ Thu Trang			Em dâu (Younger sister-in-law)	CCCD (Citizen ID)							26/04/2017				

Số thứ tự (No.)	Mã Chứng khoán (Securities Code)	Họ và tên (Name)	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) (Securities Trading Account (if any))	Chức vụ tại Công ty (Position at the Company)	Mối quan hệ với người nội bộ (Relationship with an Insider)	Loại hình NSH (CMND/ Hộ chiếu/ GPKDN) (Type of Owner Identification Number (Card/Citizen ID/Passport/Business Registration))	Số giấy NSH (Identification Number) (Number)	Ngày cấp NSH (Date of Issue)	Nơi cấp NSH (Place of Issue)	Địa chỉ liên hệ (Head Office Address / Contact Address)	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ (Number of shares owned at the end of the period)	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ (Percentage of shares owned at the end of the period) (%)	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan của người nội bộ (Date of Becoming a Related Party of the Insider)	Thời điểm không còn là người có liên quan của người nội bộ (Date of Ceasing to Be a Related Party of the Insider)	Lý do thay đổi liên quan đến mục 14 và 15 (Reason for Changes Related to Items 14 and 15)	Ghi chú (về việc không có số NSH và các ghi chú khác) (Notes)	
4.08	NCT	Trần Hữu Ân			Bố vợ (Father-in-law)	CCCD (Citizen ID)							26/04/2017				
4.09	NCT	Lê Thị Ly			Mẹ vợ (Mother-in-law)	CCCD (Citizen ID)							26/04/2017				
5	NCT	Đặng Ngọc Trường		TV. HĐQT (Member of the Board of Directors)	Người nội bộ (Insider)	CCCD (Citizen ID)					0	0,000%	28/06/2023	20/06/2025	Hết nhiệm kỳ (End of term)		
5.01	NCT	Là Thị Thủy Hằng			Vợ (Wife)	CCCD (Citizen ID)							28/06/2023	20/06/2025	Hết nhiệm kỳ (End of term)		
5.02	NCT	Đặng Xuân Thu			Bố đẻ (Father)	CCCD (Citizen ID)							28/06/2023	20/06/2025	Hết nhiệm kỳ (End of term)		
5.03	NCT	Trần Thị Luật			Mẹ đẻ (Mother)	CCCD (Citizen ID)							28/06/2023	20/06/2025	Hết nhiệm kỳ (End of term)		
5.04	NCT	Đặng Ngọc Duy Anh			Con đẻ (Child)	CCCD (Citizen ID)							28/06/2023	20/06/2025	Hết nhiệm kỳ (End of term)		
5.05	NCT	Đặng Diệp Bảo An			Con đẻ (Child)	CCCD (Citizen ID)							28/06/2023	20/06/2025	Hết nhiệm kỳ (End of term)		
5.06	NCT	Đặng Tùng Anh			Con đẻ (Child)	CCCD (Citizen ID)							28/06/2023	20/06/2025	Hết nhiệm kỳ (End of term)		
5.07	NCT	Là Xuân Luyện			Bố vợ (đã mất) (Father-in-law (deceased))	CCCD (Citizen ID)							28/06/2023	20/06/2025	Hết nhiệm kỳ (End of term)		Đã mất (Deceased)
5.08	NCT	Nguyễn Thanh Bình			Mẹ vợ (Mother-in-law)	CCCD (Citizen ID)							28/06/2023	20/06/2025	Hết nhiệm kỳ (End of term)		
5.09	NCT	Đặng Ngọc Thụy			Anh ruột (Elder brother)	CCCD (Citizen ID)							28/06/2023	20/06/2025	Hết nhiệm kỳ (End of term)		
5.10	NCT	Đặng Ngọc Toàn			Anh ruột (Elder brother)	CCCD (Citizen ID)							28/06/2023	20/06/2025	Hết nhiệm kỳ (End of term)		
5.11	NCT	Đặng Thị Thu Trang			Em ruột (Younger sister)	CCCD (Citizen ID)							28/06/2023	20/06/2025	Hết nhiệm kỳ (End of term)		
5.12	NCT	Nguyễn Văn Quý			Em rể (Younger brother-in-law)	CCCD (Citizen ID)							28/06/2023	20/06/2025	Hết nhiệm kỳ (End of term)		
5.13	NCT	Nguyễn Thị Kim Oanh			Chị dậu (Elder sister-in-law)	CCCD (Citizen ID)							28/06/2023	20/06/2025	Hết nhiệm kỳ (End of term)		

Stt (No.)	Mã CK (Securities Code)	Họ và tên (Name)	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) (Securities Trading Account (if any))	Chức vụ tại Công ty (Position at the Company)	Mối quan hệ với người nội bộ (Relationship with an Insider)	Loại hình NSH (CMND/Hộ chiếu/GPĐKD) (Type of Owner Identification Number (ID Card/Citizen ID/Passport/Business Registration))	Số giấy NSH (Identification Number) (ID Number)	Ngày cấp NSH (Date of Issue)	Nơi cấp NSH (Place of Issue)	Địa chỉ trụ sở chính/ liên hệ (Head Office Address / Contact Address)	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ (Number of shares owned at the end of the period)	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ (Percentage of shares owned at the end of the period) (%)	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan của người nội bộ (Date of Becoming a Related Party of the Insider)	Thời điểm không còn là người có liên quan của người nội bộ (Date of Ceasing to Be a Related Party of the Insider)	Lý do thay đổi liên quan đến mục 14 và 15 (Reason for Changes Related to Items 14 and 15)	Ghi chú (về việc không có số NSH và các ghi chú khác) (Notes)
5.14	NCT	Long Thị Hồng Thắm			Chị đầu (Elder sister-in-law)	CCCD (Citizen ID)							28/06/2023	20/06/2025	Hết nhiệm kỳ (End of term)	
6	NCT	Vũ Thành Đạt		Thành viên HĐQT (Member of the Board of Directors)	Người nội bộ (Insider)	CCCD (Citizen ID)	7					0,000%	20/06/2025		Tham gia TV.HĐQT (Serve as a member of the Board of Directors)	
6.01	NCT	Trần Thị Liên Hương			Vợ (Wife)	CCCD (Citizen ID)							20/06/2025		NLQ tham gia HĐQT (A related person serving on the Board of Directors)	
6.02	NCT	Vũ Đức Nguyễn			Bố đẻ (Father)	CCCD (Citizen ID)							20/06/2025		NLQ tham gia HĐQT (A related person serving on the Board of Directors)	
6.03	NCT	Phạm Thị Phương Mai			Mẹ đẻ (Mother)	CCCD (Citizen ID)							20/06/2025		NLQ tham gia HĐQT (A related person serving on the Board of Directors)	
6.04	NCT	Vũ Khánh Linh			Con đẻ (Child)	CCCD (Citizen ID)							20/06/2025		NLQ tham gia HĐQT (A related person serving on the Board of Directors)	
6.05	NCT	Vũ Đức Thành			Con đẻ (Child)	CCCD (Citizen ID)							20/06/2025		NLQ tham gia HĐQT (A related person serving on the Board of Directors)	
6.06	NCT	Vũ Phương Cúc			Em ruột (Younger sister)	CCCD (Citizen ID)							20/06/2025		NLQ tham gia HĐQT (A related person serving on the Board of Directors)	
6.07	NCT	Hoàng Quang Tiến			Em rể (Younger brother-in-law)	CCCD (Citizen ID)							20/06/2025		NLQ tham gia HĐQT (A related person serving on the Board of Directors)	Đã mất (Deceased)
6.08	NCT	Vũ Quang Đại			Em ruột (Younger brother)	CCCD (Citizen ID)							20/06/2025		NLQ tham gia HĐQT (A related person serving on the Board of Directors)	
6.09	NCT	Nguyễn Thị Bình			Em đầu (Younger sister-in-law)	CCCD (Citizen ID)							20/06/2025		NLQ tham gia HĐQT (A related person serving on the Board of Directors)	
6.10	NCT	Vũ Ngọc Châu			Em ruột (Younger sister)	CCCD (Citizen ID)							20/06/2025		NLQ tham gia HĐQT (A related person serving on the Board of Directors)	

Sr (No.)	Mã CK (Securities Code)	Họ và tên (Name)	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) (Securities Account (if any))	Chức vụ tại Công ty (Position at the Company)	Mối quan hệ với người nội bộ (Relationship with an Insider)	Loại hình NSH (CMND/Hộ chiếu/GPKDN) (Type of Owner Identification (ID Card/Citizen ID/Passport/Business Registration))	Số giấy NSH (Identification Number) (ID Number)	Ngày cấp NSH (Date of Issue)	Nơi cấp NSH (Place of Issue)	Địa chỉ liên hệ (Hend Office Address / Contact Address)	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ (Number of shares owned at the end of the period)	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ (Percentage of shares owned at the end of the period) (%)	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan của người nội bộ (Date of Becoming a Related Party of the Insider)	Thời điểm không còn là người có liên quan của người nội bộ (Date of Ceasing to Be a Related Party of the Insider)	Lý do thay đổi liên quan đến mục 14 và 15 (Reason for Changes Related to Items 14 and 15)	Chi chú (về việc không có số NSH và các ghi chú khác) (Notes)
6.11	NCT	Vũ Hai Hà			Em rể (Younger brother-in-law)	CCCD (Citizen ID)							20/06/2025		NLĐ tham gia HĐQT (A related person serving on the Board of Directors)	
6.12	NCT	Trần Mạnh Tiếp			Bố vợ (Father-in-law)	CCCD (Citizen ID)							20/06/2025		NLĐ tham gia HĐQT (A related person serving on the Board of Directors)	
6.13	NCT	Nguyễn Thị Kim Liên			Mẹ vợ (Mother-in-law)	CCCD (Citizen ID)							20/06/2025		NLĐ tham gia HĐQT (A related person serving on the Board of Directors)	
7	NCT	Đinh Hồng Sơn		Trưởng BKS (Head of Board)	Người nội bộ (Insider)	CCCD (Citizen ID)							18/04/2019	20/06/2025	Hết nhiệm kỳ (End of term)	
7.01	NCT	Nguyễn Thị Hoà Chân			Vợ (Wife)	CCCD (Citizen ID)							18/04/2019	20/06/2025	Hết nhiệm kỳ (End of term)	
7.02	NCT	Đinh Nho Bằng			Bố đẻ (Father)	CCCD (Citizen ID)							18/04/2019	20/06/2025	Hết nhiệm kỳ (End of term)	
7.03	NCT	Trần Thị Thu Hà			Mẹ đẻ (Mother)	CCCD (Citizen ID)							18/04/2019	20/06/2025	Hết nhiệm kỳ (End of term)	
7.04	NCT	Đinh Nhật Quang			Con đẻ (Child)	CCCD (Citizen ID)							18/04/2019	20/06/2025	Hết nhiệm kỳ (End of term)	
7.05	NCT	Đinh Việt Bách			Con đẻ (Child)	CCCD (Citizen ID)							18/04/2019	20/06/2025	Hết nhiệm kỳ (End of term)	
7.06	NCT	Đinh Thị Bích Hòa			Chị ruột (Elder sister)	CCCD (Citizen ID)							18/04/2019	20/06/2025	Hết nhiệm kỳ (End of term)	
7.07	NCT	Đinh Thị Bích Thủy			Em ruột (Younger sister)	CCCD (Citizen ID)							18/04/2019	20/06/2025	Hết nhiệm kỳ (End of term)	

Sit (No.)	Mã CK (Securities Code)	Họ và tên (Name)	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) (Securities Trading Account (if any))	Chức vụ tại Công ty (Position at the Company)	Mối quan hệ với người nội bộ (Relationship with an Insider)	Loại hình NSH (CMND/ Hộ chiếu/ Giấy ĐKDN) (Type of Owner Identification Number) (ID Card/Citizen ID/Passport/Business Registration)	Số giấy NSH (Identification Number) (ID Number)	Ngày cấp NSH (Date of Issue)	Nơi cấp NSH (Place of Issue)	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ (Head Office Address / Contact Address)	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ (Number of shares owned at the end of the period)	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ (Percentage of shares owned at the end of the period) (%)	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan của người nội bộ (Date of Becoming a Related Party of the Insider)	Thời điểm không còn là người có liên quan của người nội bộ (Date of Ceasing to Be a Related Party of the Insider)	Lý do thay đổi liên quan đến mục 14 và 15 (Reason for Changes Related to Items 14 and 15)	Ghi chú (về việc không có số NSH và các ghi chú khác) (Notes)	
7.08	NCT	Nguyễn Tư Chí			Bố vợ (đã mất) (Father-in-law (deceased))								18/04/2019	20/06/2025	Hết nhiệm kỳ (End of term)		
7.09	NCT	Lê Thị Bằng			Mẹ vợ (Mother-in-law)	CCCD (Citizen ID)							18/04/2019	20/06/2025	Hết nhiệm kỳ (End of term)		
7.10	NCT	Tạ Mạnh Thắng			Em rể (Younger brother-in-law)	CCCD (Citizen ID)							18/04/2019	20/06/2025	Hết nhiệm kỳ (End of term)		
7.11	NCT	Công ty Cổ phần Dịch vụ hàng không sân bay Đà Nẵng			Tổ chức có liên quan (Related Organization)	ĐKKD (Business Registration Certificate) ĐKKD (Business Registration Certificate)							24/04/2019	20/06/2025	Hết nhiệm kỳ (End of term)		Là Trưởng BKS (Head of the Board of Supervisors)
7.12	NCT	Công ty Cổ phần Dịch vụ hàng hóa Tân Sơn Nhất			Tổ chức có liên quan (Related Organization)	ĐKKD (Business Registration Certificate)								20/06/2025	Hết nhiệm kỳ (End of term)		Là Trưởng BKS (Head of the Board of Supervisors)
8	NCT	Trần Mai Hạnh		Trưởng BKS (Head of Board)	Người nội bộ (Insider)	CCCD (Citizen ID)					8	0,000%	20/06/2025		Tham gia BKS (Participation in the Board of Supervisors)		
8.01	NCT	Hoàng Đồng Hải			Con trai (Son)	CCCD (Citizen ID)							20/06/2025		NLQ tham gia BKS (A related person serving on the Board of Supervisors)		
8.02	NCT	Hoàng Linh Chi			Con gái (Daughter)	CCCD (Citizen ID)							20/06/2025		NLQ tham gia BKS (A related person serving on the Board of Supervisors)		
8.03	NCT	Trần Vĩnh Hiền			Bố đẻ (Father)	CCCD (Citizen ID)							20/06/2025		NLQ tham gia BKS (A related person serving on the Board of Supervisors)		
8.04	NCT	Đỗ Thị Phê			Mẹ đẻ (Mother)	CCCD (Citizen ID)							20/06/2025		NLQ tham gia BKS (A related person serving on the Board of Supervisors)		
8.05	NCT	Trần Hồng Vân			Em ruột (Younger sister)	CCCD (Citizen ID)							20/06/2025		NLQ tham gia BKS (A related person serving on the Board of Supervisors)		

S/N	Mã CK (Securities Code)	Họ và tên (Name)	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) (Securities Trading Account (if any))	Chức vụ tại Công ty (Position at the Company)	Mối quan hệ với người nội bộ (Relationship with an Insider)	Loại hình NSH (CMND/Hộ chiếu/GBKDN) (Type of Owner Identification ID) (Passport/Business Registration Card/Citizen ID)	Số giấy NSH (Identification Number) (ID)	Ngày cấp NSH (Date of Issue)	Nơi cấp NSH (Place of Issue)	Địa chỉ liên hệ (Head Office Address) (Contact Address)	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ (Number of shares owned at the end of the period)	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ (Percentage of shares owned at the end of the period) (%)	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan của người nội bộ (Date of Becoming a Related Party of the Insider)	Thời điểm không còn là người có liên quan của người nội bộ (Date of Ceasing to Be a Related Party of the Insider)	Lý do thay đổi liên quan đến mục 14 và 15 (Reason for Changes Related to Items 14 and 15)	Ghi chú (về việc không có cổ NSH và các ghi chú khác) (Notes)
8.06	NCT	Trần Hiếu			Em ruột (Younger brother)	CCCD (Citizen ID)							20/06/2025		NLO tham gia BKS (A related person serving on the Board of Supervisors)	
9	NCT	Vũ Xuân Mạnh		Thành viên BKS (Member of Board)	Người nội bộ (Insider)	CCCD (Citizen ID)							25/06/2020			
9.01	NCT	Vũ Xuân Vững			Bố đẻ (Father)	CCCD (Citizen ID)							25/06/2020			
9.02	NCT	Vũ Thị Hai			Mẹ đẻ (Mother)	CCCD (Citizen ID)							25/06/2020			
9.03	NCT	Hoàng Thị Thảo			Vợ (Wife)	CCCD (Citizen ID)							25/06/2020			Con nhỏ, chưa có CCCD (Underage and does not yet have a Citizen ID)
9.04	NCT	Vũ Gia Kiệt			Con đẻ (Child)	CCCD (Citizen ID)							25/06/2020			Con nhỏ, chưa có CCCD (Underage and does not yet have a Citizen ID)
9.05	NCT	Vũ Thảo Trinh			Con đẻ (Child)	CCCD (Citizen ID)							25/06/2020			Con nhỏ, chưa có CCCD (Underage and does not yet have a Citizen ID)
9.06	NCT	Vũ Xuân Tùng			Em ruột (Younger brother)	CCCD (Citizen ID)							25/06/2020			
9.07	NCT	Hoàng Văn Minh			Bố vợ (Father-in-law)	CCCD (Citizen ID)							25/06/2020			
9.08	NCT	Nguyễn Thị Đệ			Mẹ vợ (Mother-in-law)	CCCD (Citizen ID)							25/06/2020			
9.09	NCT	Nguyễn Thị Hoa			Em dâu (Younger sister-in-law)	CCCD (Citizen ID)							25/06/2020			

Stt (No.)	Mã CK (Securities Code)	Họ và tên (Name)	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) (Securities Trading Account (if any))	Chức vụ tại Công ty (Position at the Company)	Mối quan hệ với người nội bộ (Relationship with an Insider)	Loại hình NSH (CMND/ CCCD/ Hộ chiếu/ GPKDN) (Type of Owner Identification Card/Citizen ID/Passport/Business Registration Certificate)	Số giấy NSH (Identification Number) (Card/Citizen ID)	Ngày cấp NSH (Date of Issue)	Nơi cấp NSH (Place of Issue)	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ (Head Office Address / Contact Address)	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ (Number of shares owned at the end of the period)	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ (Percentage of shares owned at the end of the period) (%)	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan của người nội bộ (Date of Becoming a Related Party of the Insider)	Thời điểm không còn là người có liên quan của người nội bộ (Date of Ceasing to Be a Related Party of the Insider)	Lý do thay đổi liên quan đến mục 14 và 15 (Reason for Changes Related to Items 14 and 15)	Ghi chú (về việc không có số NSH và các ghi chú khác) (Notes)
9.10	NCT	Công ty CP Dịch vụ Hàng không sân bay Nội Bài			Tổ chức có liên quan (Related Organization)	ĐKKD (Business Registration Certificate)							01/01/2019			Là Trưởng ban Thư ký Công ty từ 01/01/2019 (the Company Secretariat on January 1, 2019)
10	NCT	Nguyễn Văn Tân		Thành viên BKS (Member of Board)		CCCD (Citizen ID)	0					0,000%	28/06/2023			
10.02	NCT	Nguyễn Văn Thanh			Bố đẻ (Father)	CCCD (Citizen ID)							28/06/2023			
10.03	NCT	Nguyễn Thị Quý			Mẹ đẻ (Mother)	CCCD (Citizen ID)							28/06/2023			
10.04	NCT	Nguyễn Văn Tiến			Em ruột (Younger brother)	CCCD (Citizen ID)							28/06/2023			
10.05	NCT	Nguyễn Phương Nhi			Em ruột (Younger sister)	CCCD (Citizen ID)							28/06/2023			
11	NCT	Đinh Trọng Sơn		Phó Tổng Giám đốc (Deputy General Director)	Người nội bộ (Insider)	CCCD (Citizen ID)	10.500					0,040%	01/05/2005			
11.01	NCT	Trần Nguyễn Hợp Châu			Vợ (Wife)	CCCD (Citizen ID)							01/05/2005			Ông/bà lớn tuổi không làm lại CCCD (The elderly person not renewing CCCD)
11.02	NCT	Đinh Trọng Hiến			Bố đẻ (Father)	CMND (ID Card)							01/05/2005			Ông/bà lớn tuổi không làm lại CCCD (The elderly person not renewing CCCD)
11.03	NCT	Hồ Thị Quy			Mẹ đẻ (Mother)	CMND (ID Card)							01/05/2005			
11.04	NCT	Đinh Châu Giang			Con đẻ (Child)	CCCD (Citizen ID)							01/05/2005			
11.05	NCT	Đinh Trọng Khai Nguyễn			Con đẻ (Child)	CCCD (Citizen ID)							01/05/2005			
11.06	NCT	Đinh Trọng Toán			Anh ruột (Elder brother)	CCCD (Citizen ID)							01/05/2005			
11.07	NCT	Đinh Viết Thắng			Anh ruột (Elder brother)	CCCD (Citizen ID)							01/05/2005			
11.08	NCT	Đinh Thị Quế			Chị ruột (Elder sister)	CCCD (Citizen ID)							01/05/2005			
11.09	NCT	Đinh Thị Hà			Chị ruột (Elder sister)	CCCD (Citizen ID)							01/05/2005			
11.10	NCT	Đinh Trọng Hải			Em ruột (Younger brother)	CCCD (Citizen ID)							01/05/2005			

Stt (No.)	Mã CK (Securities Code)	Họ và tên (Name)	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) (Securities Trading Account (if any))	Chức vụ tại Công ty (Position at the Company)	Mối quan hệ với người nội bộ (Relationship with an Insider)	Loại hình NSH (CMND/CCCD/Hộ chiếu/GĐKDN) (Type of Owner Identification Number (ID Card/Citizen ID/Passport/Business Registration))	Số giấy NSH (Identification Number)	Ngày cấp NSH (Date of Issue)	Nơi cấp NSH (Place of Issue)	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ (Head Office Address / Contact Address)	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ (Number of shares owned at the end of the period)	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ (Percentage of shares owned at the end of the period) (%)	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan của người nội bộ (Date of Becoming a Related Party of the Insider)	Thời điểm không còn là người có liên quan của người nội bộ (Date of Ceasing to Be a Related Party of the Insider)	Lý do thay đổi liên quan đến mục 14 và 15 (Reason for Changes Related to Items 14 and 15)	Ghi chú (về việc không có số NSH và các ghi chú khác) (Notes)	
11.11	NCT	Đình Trọng Lang			Em ruột (Younger brother)	CCCD (Citizen ID)							01/05/2005				
11.12	NCT	Đình Trọng Long			Em ruột (Younger brother)	CCCD (Citizen ID)							01/05/2005				
11.13	NCT	Hồ Sơn			Anh rể (Elder brother-in-law)	CCCD (Citizen ID)							01/05/2005				
11.14	NCT	Hồ Thị Quế			Chị dâu (Elder sister-in-law)	CCCD (Citizen ID)							01/05/2005				
11.15	NCT	Hồ Thị Đồng			Chị dâu (Elder sister-in-law)	CCCD (Citizen ID)							01/05/2005				
11.16	NCT	Hồ Thị Thủy			Em dâu (Younger sister-in-law)	CCCD (Citizen ID)							01/05/2005				
11.17	NCT	Hồ Thị Hải			Em dâu (Younger sister-in-law)	CCCD (Citizen ID)							01/05/2005				
11.18	NCT	Trần Thị Thu Hiền			Em dâu (Younger sister-in-law)	CCCD (Citizen ID)					7	0,000%	01/05/2005				
11.19	NCT	Trần Hữu Bảo			(đã mất) Bao vợ (đã mất) Em dâu (Younger sister-in-law)												
11.20	NCT	Nguyễn Thị Thanh Hào			Mẹ vợ (đã mất) (Mother-in-law (deceased))												
12	NCT	Nguyễn Quốc Hưng		Phó Tổng Giám đốc (Deputy General Director)	Người nội bộ (Insider)	CCCD (Citizen ID)							02/06/2017				
12.01	NCT	Nguyễn Thái			Bố (đã mất) (Father (deceased))												
12.02	NCT	Đào Thị Vy			Mẹ đẻ (Mother)	CMND (ID Card)							02/06/2017				Ông đã lớn tuổi không làm lại CCCD (The elderly person (The elderly person
12.03	NCT	Phạm Thị Kim Thu			Vợ (Wife)	CCCD (Citizen ID)							02/06/2017				
12.04	NCT	Nguyễn Minh Hiệp			Con đẻ (Child)	CCCD (Citizen ID)							02/06/2017				
12.05	NCT	Nguyễn Thu Phương			Con đẻ (Child)	CCCD (Citizen ID)							02/06/2017				
12.06	NCT	Nguyễn Thị Minh Yến			Chị ruột (Elder sister)	CCCD (Citizen ID)							02/06/2017				
12.07	NCT	Nguyễn Thị Bích Ngọc			Chị ruột (Elder sister)	CCCD (Citizen ID)							02/06/2017				
12.08	NCT	Nguyễn Quang Sơn			Anh rể (Elder brother-in-law)	CCCD (Citizen ID)							02/06/2017				

Stt (No.)	Mã CK (Securities Code)	Họ và tên (Name)	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) (Securities Trading Account (if any))	Chức vụ tại Công ty (Position at the Company)	Mối quan hệ với người nội bộ (Relationship with an Insider)	Loại hình NSH (CMND/Hộ chiếu/ GBKDN) (Type of Owner Identification Card/Citizen ID/Passport/Business Registration)	Số giấy NSH (Identification Number) (ID Number)	Ngày cấp NSH (Date of Issue)	Nơi cấp NSH (Place of Issue)	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ (Head Office Address / Contact Address)	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ (Number of shares owned at the end of the period)	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ (Percentage of shares owned at the end of the period) (%)	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan của người nội bộ (Date of Becoming a Related Party of the Insider)	Thời điểm không còn là người có liên quan của người nội bộ (Date of Ceasing to Be a Related Party of the Insider)	Lý do thay đổi liên quan đến mục 14 và 15 (Reason for Changes Related to Items 14 and 15)	Ghi chú (về việc không có số NSH và các ghi chú khác) (Notes)
12.09	NCT	Lê Hồng Tiến			Anh rể (Elder brother-in-law)	CCCD (Citizen ID)							02/06/2017			
12.10	NCT	Nguyễn Thị Tâm			Mẹ vợ (Mother-in-law)	CCCD (Citizen ID)							02/06/2017			
12.11	NCT	Phạm Đăng Ty			Bố vợ (đã mất) Father-in-law (deceased)											
13	NCT	Nguyễn Việt Dũng		Phó Tổng Giám đốc (Deputy General Director)	Người nội bộ (Insider)	CCCD (Citizen ID)							25/06/2020			
13.01	NCT	Đàm Thị Thu Dung			Vợ (Wife)	CCCD (Citizen ID)							25/06/2020			Đã mất (Deceased)
13.02	NCT	Nguyễn Việt Cường			Bố đẻ (đã mất) (Father)											
13.03	NCT	Đinh Thị Nhuận			Mẹ đẻ (Mother)	CCCD (Citizen ID)							25/06/2020			
13.04	NCT	Nguyễn Việt Anh			Con đẻ (Child)	CCCD (Citizen ID)							25/06/2020			
13.05	NCT	Nguyễn Ngọc Minh			Con đẻ (Child)	CCCD (Citizen ID)							25/06/2020			Còn nhỏ, chưa có CCCD (Underage and does not yet have a Citizen ID)
13.06	NCT	Nguyễn Việt Hùng			Anh ruột (Elder brother)	CCCD (Citizen ID)							25/06/2020			
13.07	NCT	Nguyễn Thị Minh Nguyệt			Chị ruột (Elder sister)	CCCD (Citizen ID)							25/06/2020			
13.08	NCT	Đàm Thanh Hòa			Bố vợ (Father-in-law)	CCCD (Citizen ID)							25/06/2020			
13.09	NCT	Vũ Thị Tư			Mẹ vợ (Mother-in-law)	CCCD (Citizen ID)							25/06/2020			
13.10	NCT	Nguyễn Đức Lý			Anh rể (Elder brother-in-law)	CCCD (Citizen ID)							25/06/2020			
13.11	NCT	Nguyễn Thị Tuyết			Chị dâu (Elder sister-in-law)	CCCD (Citizen ID)							25/06/2020			
14	NCT	Hồ Xuân Hiếu		Kế toán trưởng/ Người được ủy quyền công bố thông tin (Chief Accountant/Authorized Person for Information)		CCCD (Citizen ID)							15/04/2023			

Stt (No.)	Mã CK (Securities Code)	Họ và tên (Name)	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) (Securities Trading Account (if any))	Chức vụ tại Công ty (Position at the Company)	Mối quan hệ với người nội bộ (Relationship with an Insider)	Loại hình NSH (CMND/CCCD/Hộ chiếu/GDKDN) (Type of Owner Identification (ID Card/Citizen ID/Passport/Business Registration))	Số giấy NSH (Identification Number)	Ngày cấp NSH (Date of Issue)	Nơi cấp NSH (Place of Issue)	Địa chỉ trụ sở chính/Địa chỉ liên hệ (Head Office Address / Contact Address)	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ (Number of shares owned at the end of the period)	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ (Percentage of shares owned at the end of the period) (%)	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan của người nội bộ (Date of Becoming a Related Party of the Insider)	Thời điểm không còn là người có liên quan của người nội bộ (Date of Ceasing to Be a Related Party of the Insider)	Lý do thay đổi liên quan đến mục 14 và 15 (Reason for Changes Related to Items 14 and 15)	Ghi chú (về việc không có số NSH và các ghi chú khác) (Notes)
14.01	NCT	Phạm Văn Thọ			Chồng (Husband)	CCCD (Citizen ID)							15/04/2023			
14.02	NCT	Hồ Viết Bà			Bố đẻ (đã mất) (Father)	CCCD (Citizen ID)							15/04/2023			
14.03	NCT	Nguyễn Thị Thái			Mẹ đẻ (đã mất) (Mother (deceased))	CCCD (Citizen ID)							15/04/2023			
14.04	NCT	Phạm Hương Giang			Con đẻ (Child)	CCCD (Citizen ID)							15/04/2023			
14.05	NCT	Phạm Anh Thư			Con đẻ (Child)	CCCD (Citizen ID)							15/04/2023			
14.06	NCT	Phạm Thùy Chi			Con đẻ (Child)	CCCD (Citizen ID)							15/04/2023			Con nhỏ, chưa có CCCD (Underage and does not yet have a Citizen ID)
14.07	NCT	Phạm Đăng Khởi			Con đẻ (Child)	CCCD (Citizen ID)							15/04/2023			Con nhỏ, chưa có CCCD (Underage and does not yet have a Citizen ID)
14.08	NCT	Phạm Văn Thanh			Bố chồng (Father-in-law)	CCCD (Citizen ID)							15/04/2023			
14.09	NCT	Nguyễn Thị Dung			Mẹ chồng (Mother-in-law)	CCCD (Citizen ID)							15/04/2023			
14.10	NCT	Hồ Xuân Cường			Anh ruột (đã mất) (Elder brother (deceased))	CCCD (Citizen ID)							15/04/2023			
14.11	NCT	Bùi Thị Hoi			Chị dâu (Elder sister-in-law)	CCCD (Citizen ID)							15/04/2023			
15	NCT	Nguyễn Thị Hồng Phương		Thư ký Công ty/ TV.TBKTNB (Company Secretary/Member of the Internal Audit Committee)	Người nội bộ (Insider)	CCCD (Citizen ID)					1	0,000%	15/06/2015			
15.01	NCT	Cù Thanh Tiến			Chồng (đã mất) (Husband (deceased))											Đã mất (Deceased)
15.02	NCT	Cù Thu Hà			Con đẻ (Child)	CCCD (Citizen ID)							15/06/2015			

Sst (No.)	Mã CK (Securi ties Code)	Họ và tên (Name)	Tài khoản giao dịch chứng khoản (nếu có) (Securiti es Trading Account (if any))	Chức vụ tại Công ty (Position at the Company)	Mối quan hệ với người nội bộ (Relationship with an Insider)	Loại hình NSH (CMND/ CCCD/Hộ chiếu/ GĐKDN) (Type of Owner Identification Card/Citize n ID/Passport /Business Registratio n ID)	Số giấy NSH (Identif ication Numbe r)	Ngày cấp NSH (Date of Issue)	Nơi cấp NSH (Place of Issue)	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ (Head Office Address / Contac t Addres s)	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ (Number of shares owned at the end of the period)	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ (Percentage of shares owned at the end of the period) (%)	Thời điểm bắt dầu là người có liên quan của người nội bộ (Date of Becoming a Related Party of the Inside)	Thời điểm không còn là người có liên quan của người nội bộ (Date of Ceasing to Be a Related Party of the Insider)	Lý do thay đổi liên quan đến mục 14 và 15 (Reason for Changes Related to Items 14 and 15)	Ghi chú (về việc không có sổ NSH và các ghi chú khác) (Notes)	
15.03	NCT	Cù Nam Khánh			Con đẻ (Child)	CCCD (Citizen ID)							15/06/2015				
15.04	NCT	Cù Chính Nghệ			Bố chồng (Father-in-law)	CMND (ID Card)							15/06/2015				Ông bà lớn tuổi không làm lại CCCD (The elderly person has not renewed their Citizen ID)
15.05	NCT	Cù Thị Thượng			Mẹ chồng (Mother-in-law)	CMND (ID Card)							15/06/2015				Ông bà lớn tuổi không làm lại CCCD (The elderly person has not renewed their Citizen ID)
15.06	NCT	Nguyễn Khắc Khai			Bố đẻ (đã mất) (Father)												Đã mất (Deceased)
15.07	NCT	Khuất Thị Nhân			Mẹ đẻ (đã mất) (Mother (deceased))												Đã mất (Deceased)
15.08	NCT	Nguyễn Thị Hương			Chị ruột (Elder sister)	CCCD (Citizen ID)							15/06/2015				
15.09	NCT	Nguyễn Thị Minh Ngọc			Chị ruột (Elder sister)	CCCD (Citizen ID)							15/06/2015				
15.10	NCT	Nguyễn Quốc Anh			Anh ruột (Elder brother)	CCCD (Citizen ID)							15/06/2015				
15.11	NCT	Nguyễn Thị Minh Nguyệt			Chị ruột (Elder sister)	CCCD (Citizen ID)	1.440				0,006%		15/06/2015				
15.12	NCT	Nguyễn Quốc Cường			Anh ruột (Elder brother)	CCCD (Citizen ID)							15/06/2015				
15.13	NCT	Lê Đăng Dung			Anh rể (Elder brother-in-law)	CCCD (Citizen ID)							15/06/2015				
15.14	NCT	Vũ Văn Hiến			Anh rể (Elder brother-in-law)	CCCD (Citizen ID)							15/06/2015				
15.15	NCT	Đặng Vũ Sơn			Anh rể (Elder brother-in-law)	CCCD (Citizen ID)							15/06/2015				
15.16	NCT	Nguyễn Thị Anh Nga			Chị dâu (Elder sister-in-law)	CCCD (Citizen ID)							15/06/2015				

Số (No.)	Mã CK (Securities Code)	Họ và tên (Name)	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) (Securities Trading Account (if any))	Chức vụ tại Công ty (Position at the Company)	Mối quan hệ với người nội bộ (Relationship with an Insider)	Loại hình NSH (CMND/ CCCD/ Hộ chiếu/ GPĐKD) (Type of Owner Identification Number (ID Card/Citizen ID/Passport/Business Registration))	Số giấy NSH (Identification Number) (Identification Number)	Ngày cấp NSH (Date of Issue)	Nơi cấp NSH (Place of Issue)	Địa chỉ liên hệ (Hend Office Address / Contact Address)	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ (Number of shares owned at the end of the period)	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ (Percentage of shares owned at the end of the period) (%)	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan của người nội bộ (Date of Becoming a Related Party of the Insider)	Thời điểm không còn là người có liên quan của người nội bộ (Date of Ceasing to Be a Related Party of the Insider)	Lý do thay đổi liên quan đến mục 14 và 15 (Reason for Changes Related to Items 14 and 15)	Ghi chú (về việc không có số NSH và các ghi chú khác) (Notes)
16	NCT	Tổng công ty Hàng không Việt Nam - CTCP			Công ty mẹ của Tổ chức niêm yết (Parent Company)	ĐKKD (Business Registration Certificate)					14,425,401	55,128%	01/05/2005			

1 C P